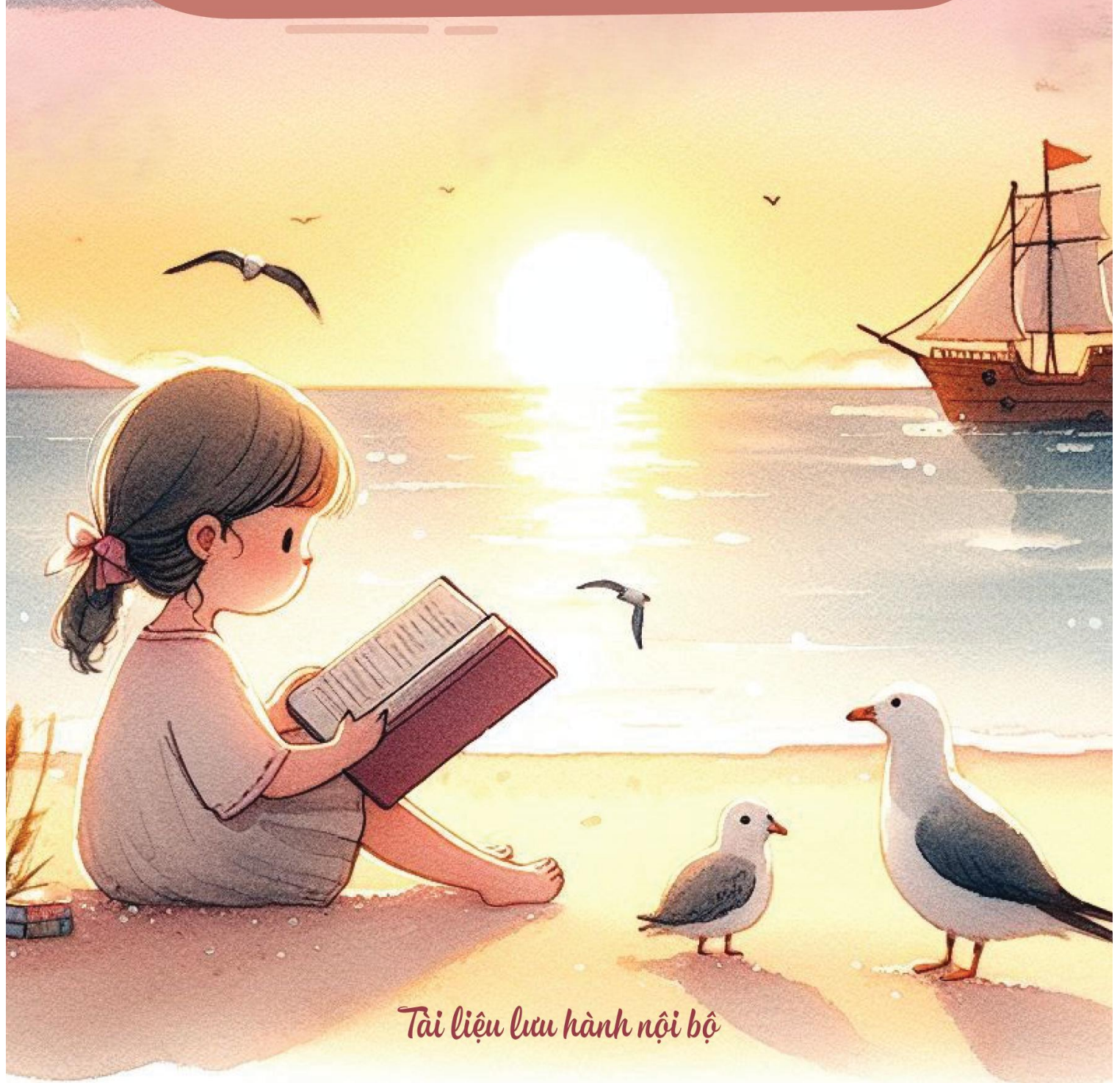


Học Văn Chị Hiền

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI

MÔN NGỮ VĂN LỚP 9



Tài liệu lưu hành nội bộ

Lời ngỏ

Gửi tới em – bạn nhỏ có thể chưa yêu môn Văn cho lắm!

Chị có một câu chuyện muốn kể với em như thế này:

“Ngày xưa, có một người thầy tuyệt vời, người thầy đó có rất nhiều học trò. Một ngày nọ, một người trong số các học trò đến hỏi thầy “Con đã đọc rất nhiều sách nhưng con dường như đã quên hết những gì con đã đọc. Vậy mục đích của việc đọc là gì, thưa thầy.”

Người thầy đã không trả lời câu hỏi của anh ta ngay lúc đấy.

Vài ngày sau người thầy đưa cho anh ta một cái sàng rất bẩn và cũ. Người thầy bảo anh ta hãy ra sông và lấy nước bằng chiếc sàng kia. Người học trò vốn không thích ý tưởng này nhưng anh ta không thể từ chối lời đề nghị của thầy. Anh ta đi đến bên cạnh dòng sông, nhúng cái sàng ngập nước và định quay trở về. Nhưng mới chỉ đi được vài bước, tất cả nước trong cái sàng đã rút hết qua các lỗ. Nên anh ta quyết định quay lại bờ sông, lặp lại công việc đó cả ngày nhưng vẫn không thành công.

Anh ta quay về chỗ người thầy với một gương mặt buồn và nói “Con không thể lấy nước với cái sàng này. Con đã thất bại, thưa thầy.”

Người thầy cười với anh ta: “Không! Con không thất bại. Hãy nhìn cái sàng này. Nó đã trở nên như mới. Nó sạch hơn trong quá trình con đang cố gắng lấy nước.”

Người thầy sau đó đã giải thích động cơ thực sự đằng sau nhiệm vụ này. Ông giảng giải “Lần trước con hỏi ta mục đích của việc đọc là gì nếu như con không nhớ những gì con đã đọc. Giờ hãy lấy ví dụ từ chiếc sàng này.

CÁI SÀNG = TÂM TRÍ.

NƯỚC = KIẾN THỨC.

SÔNG = SÁCH.

Nếu như con không thể nhớ được gì, không sao hết! Nhưng việc đọc chắc chắn sẽ khiến đầu óc của con sắc bén hơn.

Ngẫm ra thì thấy, câu chuyện dùng sàng lấy nước này không chỉ đúng với việc đọc sách mà còn rất đúng với việc học của chúng ta, đặc biệt là việc học Văn. Chúng mình nhận ra: Nếu như CÁI SÀNG = TÂM TRÍ, DÒNG SÔNG = KIẾN THỨC VĂN HỌC (về tất cả tác phẩm, kiến thức nghị luận xã hội rộng lớn) thì chẳng phải DÒNG SÔNG ấy sẽ đem đến cho ta thứ NƯỚC trong lành, tinh túy chính là TRI THỨC giúp đầu óc ta sắc bén hơn, tâm hồn ta nhạy cảm hơn, vốn sống của ta rộng mở hơn hay sao?

Việc học Văn không bao giờ là thừa, các em ạ. Có thể kết quả việc học đó em chưa nhìn thấy qua điểm số của những bài kiểm tra nhưng chắc chắn em sẽ thấy trong đời sống hàng ngày, qua cách nói năng, ứng xử lịch sự, nhã nhặn, qua tình cảm yêu thương và thấu hiểu với mọi người đang được bồi đắp ngày một sâu sắc hơn. Bởi vậy, chúng mình học văn cốt là để sống sâu hơn, ý nghĩa hơn, nhất định đừng chỉ học thuộc lòng, học tủ để vượt qua vài kì thi.

Tiếp đến, chị lại muốn chúng mình thử hình dung về một trò chơi như thế này:

Các em biết trò chinh phục mê cung chứ? Hãy tưởng tượng các em đang bước vào một mê cung với rất nhiều lối rẽ.

Chỉ có số ít lối rẽ đưa ra đến điểm đích cuối cùng là PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGŨ VĂN (mục tiêu đánh giá trong những kì thi đổi mới của bộ giáo dục).

Còn lại là rất nhiều lối rẽ đưa đến ngõ cụt. Ngõ cụt ấy cũng giống như KIẾN THỨC MÀ EM HỌC TỬ VỀ MỘT HOẶC 1 VÀI TÁC PHẨM, KIẾN THỨC EM HỌC CHỈ ĐỂ THI vậy.

Nào, bây giờ mình bắt đầu chinh phục mê cung nhé. Nếu em chọn theo lối rẽ thuộc về số nhiều kia thì những bước đầu tiên em sẽ rất hăm hở, thậm chí cảm thấy thật dễ dàng. Đó là cảm giác khi em chỉ chăm chăm vào học thuộc lòng những tác phẩm mà em nghĩ rằng sẽ thi, cũng đơn giản mà vì chẳng cần động não, chẳng cần rung động, chẳng cần cảm xúc là mấy nhỉ. Nhưng em này, đến khi em đi đến tận cùng của cách học ấy, em sẽ chỉ thấy "ngõ cụt" mà thôi, và nếu em muốn thoát khỏi mê cung, đi đến đích cuối cùng thì em lại phải quay lại, bắt đầu lại từ đầu. Chẳng phải rất tốn công hay sao?

Chi bằng mình chọn đi theo lối rẽ thuộc về số ít nhưng đúng đắn và hiệu quả ngay từ đầu. Sẽ có nhiều trắc trở, gian nan nhưng chắc chắn lối rẽ ấy sẽ đưa em đến đích cuối cùng. Đó cũng chính là cách học mà chị đang định hướng cho chúng mình trong từng tài liệu và khóa học của Học Văn Chị Hiền. Thay vì truyền trao những kiến thức phục vụ một vài kì thi thì chị vẫn luôn mong muốn có thể mang đến những kiến thức chuyên sâu, giúp các em hiểu đúng, hiểu sâu và đặc biệt là hiểu rộng về từng kiến thức văn học, về nghị luận xã hội, về ngôn ngữ Tiếng Việt giàu đẹp của chúng ta. Để khi các em học được thì trong những kì thi, đặc biệt theo định hướng mới của Bộ Giáo dục, các em sẽ chẳng cần cầm tay chỉ bút, chẳng cần vắt kiệt trí nhớ nặn ra từng câu chữ rời rạc mà sẽ tự tin cầm bút viết, thể hiện năng lực và phẩm chất cá nhân mình.

Mục tiêu đó có quá lớn không? Có! Có khó thực hiện không? Không hề! Bởi chị có một niềm tin mãnh liệt rằng chỉ cần chúng mình cố gắng, nghĩ đúng, luyện tập nhiều, rồi chúng mình sẽ thành công.

Giờ đây, trước sự chuyển mình của nền giáo dục, các em sẽ được thay đổi cách học, cách thi. Đó thực sự là một điều may mắn. Bởi chỉ riêng với môn Văn, các em sẽ được đi con đường thú vị hơn và dễ dàng hơn để trở thành phiên bản tiến bộ và sâu sắc hơn của chính mình đó.

Suy cho cùng thì cốt lõi của việc học Văn hay rộng ra là việc học kiến thức đối với mỗi học sinh là:

“Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để khẳng định mình” (UNESCO).

Bởi vậy nên, chúng mình hãy học với khát khao để hiểu biết hơn chứ đừng học vì một vài kì thi chỉ có ý nghĩa hữu hạn trong cuộc đời dài rộng này nhé!

Chuyên đề nghị luận văn học Dạng đề chứng minh nhận định



I. Khái quát chung về dạng đề

- Có 3 kiểu đề chứng minh nhận định:
 - Nhận định lí luận văn học
 - Nhận định về tác giả, tác phẩm
 - Hai hay nhiều nhận định đối lập hoặc tương đồng
- ➔ Ở đây, tập trung chủ yếu ở kiểu đề nhận định lí luận văn học.
- Kiểu đề chứng minh nhận định – lí luận văn học:
 - Nhận định đề cập đến các vấn đề lí luận văn học. Đó có thể là những đặc trưng của văn học, mối quan hệ giữa tác giả và tác phẩm, chức năng của văn học...
 - Để làm tốt dạng đề này, người viết cần phải đảm bảo những yêu cầu:
 - Kiến thức lí luận văn học cơ bản

- Biết vận dụng kiến thức lí luận văn học một cách linh hoạt, khéo léo theo định hướng của đề bài
- Chọn lựa đúng tác phẩm, phân tích tác phẩm một cách thuyết phục để làm sáng tỏ nhận định của đề bài

II. Phương pháp làm dạng đề chứng minh nhận định

1. Bước 1: Phân tích đề

- Đọc kĩ nhận định, gạch chân vào các từ khóa cần phải giải thích (giải thích nhận định nhanh bằng suy nghĩ) → xác định được ý nghĩa của nhận định → vấn đề lí luận văn học được đề cập đến.

VD: “Qua một nỗi lòng, một cánh ngọ, một sự việc, nhà văn muốn đối thoại với bạn đọc một vấn đề quan trọng về nhân sinh”. → tiếp nhận văn học, bản chất của văn học, sứ mệnh của nhà văn, vai trò của bạn đọc.

- Xác định đầy đủ phạm vi dẫn chứng: mấy tác phẩm, tác phẩm nào / trải nghiệm văn học (tự do)

2. Bước 2: Lập ý → thân bài

- Giải thích nhận định (GT):
 - mấy ý phải giải thích
 - từ khóa cần giải thích

→ Rút ra ý nghĩa của toàn bộ nhận định

- Bàn luận, chỉ ra cơ sở tồn tại của nhận định (chứng minh nhận định bằng cơ sở lí luận) (BL)
 - Khái niệm, cách hiểu về các vấn đề lí luận văn học
 - Biểu hiện của vấn đề lí luận
 - Ý nghĩa của vấn đề / Tại sao lại xuất hiện vấn đề này trong văn học
- Chứng minh qua tác phẩm cụ thể (phân tích tác phẩm để làm rõ nhận định) (PT): chỉ cần gạch ra những ý chính
- Đánh giá, nhận xét, mở rộng, bổ sung vấn đề (ĐG)

3. Bước 3: Viết bài hoàn chỉnh → dựa vào dàn ý + căn giờ

- Mở bài: ý tưởng, dẫn dắt, trích nhận định, nêu phạm vi dẫn chứng
- Thân bài: đầy đủ 4 luận điểm
- Kết bài: tổng kết, khẳng định, liên hệ mở rộng

4. Bước 4: Đọc lại bài, soát lỗi

- Đọc mở bài, kết bài trước
- Nếu còn thời gian thì đọc câu đầu, câu cuối của mỗi đoạn văn + dẫn chứng được trích dẫn

III. Phương pháp viết mở bài

1. Yêu cầu đối với phần mở bài

- Dẫn dắt: tự do, linh hoạt
- Trích nhận định: dựa vào đề bài
- Nêu phạm vi dẫn chứng: dựa vào đề bài

2. Cách dẫn dắt trong mở bài

a) Cách 1: Đi từ trải nghiệm cá nhân về việc đọc văn

- Trải nghiệm phù hợp với nội dung của nhận định
- Gợi ý cách viết: *Gấp lại một trang sách, điều mà người đọc quan tâm hơn cả sau những câu chữ nghệ thuật kia, đó là những giá trị mà nhà văn mang lại, những tiếng lòng góp phần thay đổi cuộc sống theo hướng tích cực hơn, nhân văn hơn. Đó mới là giá trị chân chính của một tác phẩm và là sức mạnh kì diệu của văn chương. → 1 – 2 câu đề cập đến nội dung của nhận định → Trích nhận định + phạm vi dẫn chứng.*

VD: “Qua một nỗi lòng, một cảnh ngộ, một sự việc, nhà văn muốn đối thoại với bạn đọc một vấn đề quan trọng về nhân sinh” → MB: *Gấp lại một trang sách, điều mà người đọc quan tâm hơn cả sau những câu chữ nghệ thuật kia, đó là những giá trị mà nhà văn mang lại, những tiếng lòng góp phần thay đổi cuộc sống theo hướng tích cực hơn, nhân văn hơn. Đó mới là giá trị chân chính của một tác phẩm và là sức mạnh kì diệu của văn chương. Để làm nên sức mạnh kì diệu ấy, người cầm bút mang trong mình sứ mệnh đối thoại với bạn đọc những vấn đề nhân sinh qua trang viết của mình. Đúng như có ý kiến cho rằng: “...” → dẫn chứng.*

b) Cách 2: Dẫn dắt từ nhận định

- Có nhiều nhận định cùng chủ đề. Vì vậy khi viết theo cách này, người viết có thể xác định nội dung chính của nhận định đề bài cho, sau đó tìm những nhận định khác cùng chủ đề để dẫn dắt.
- Liên kết giữa nhận định dùng để dẫn dắt (nhận định A) và nhận định của đề bài (nhận định B)
- Cách viết: trích nhận định A → 1 vài câu dẫn dắt → trích nhận định B + nêu dẫn chứng

VD: Một nữ văn sĩ người Pháp đã từng khẳng định rằng: “Nhà văn là người cho máu”. (Thật vậy!) Mỗi tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là kết tinh của biết bao tâm huyết người nghệ sĩ. Tác phẩm là phương tiện để nhà văn thể hiện tâm tư, tình cảm, quan điểm, những triết lí nhân sinh. Và như một lẽ dĩ nhiên, những cung bậc cảm xúc, những triết lí nhân sinh ấy luôn bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống. → Trích nhận định + dẫn chứng

c) Cách 3: Đi từ đặc điểm của văn học

- Cách viết: chân lí trong văn học → nội dung của nhận định

VD: Văn học là tấm gương để người nghệ sĩ phản ánh cuộc sống. Đời sống thực tế chính là chất liệu hiện thực, là gốc rễ để thơ văn bắt nguồn và phát triển. Nhưng hiện thực trong văn chương phải là hiện thực đã được nung nấu qua những trải nghiệm sâu sắc, những tình cảm thiết tha của người cầm bút. Hiện thực thì rộng lớn bao la, chính vì lẽ đó mà những người nghệ sĩ đầy tâm huyết và trách nhiệm với cuộc đời luôn cảm thấy sự bất lực của mình/nghệ thuật khi không thể nắm bắt được trọn vẹn thực tại trên dòng chảy bất tận của thời gian. → 1 câu văn dẫn dắt (sử dụng những từ khóa trong nhận định của đề bài) → Trích nhận định + nêu dẫn chứng.

BT thực chiến: Viết 2 mở bài khác nhau cho đề bài sau:

Ra-xum Ga-đa-tốp được mệnh danh là “nhà thơ của mọi thời đại” có dành cho báo *Nước Nga* văn học một cuộc trò chuyện trong đó bày tỏ sâu sắc suy nghĩ của mình về văn học: “*Nền tảng của bất kì tác phẩm nào phải là chân lí được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn. Cần phải hát đúng giai điệu về thời đại mình và phải miêu tả nó một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo.*”

Em hiểu lời bàn trên như thế nào? Em hãy làm sáng tỏ lời bàn ấy qua tác phẩm “**Đồng chí**” của Chính Hữu và “**Bài thơ về tiểu đội xe không kính**” của Phạm Tiến Duật.

IV. Phương pháp viết thân bài

1. Luận điểm 1: Giải thích nhận định

- Nhiệm vụ: lí giải được ý nghĩa của nhận định
- Cách làm: vận dụng thao tác giải thích
 - Giải thích từng khía cạnh nhỏ trong nhận định (từ khóa/về nhỏ...)
 - Rút ra được ý nghĩa tổng quát của nhận định: Nhận định đã đề cập về vấn đề gì trong văn học.
- Cách viết của học sinh hiện nay: vừa giải thích từ ngữ vừa bình luận với kiến thức lí luận văn học dẫn đến bị lủng củng
- Lưu ý: Để phần giải thích không bị cứng nhắc, nên vận dụng linh hoạt các cách viết
 - A là, B là...
 - Lồng ghép từ khóa của nhận định với câu văn của mình

VD: LB giải thích trong đề bài thực chiến: “*Nền tảng của bất kì tác phẩm nào phải là **chân lí** được khắc họa bằng tất cả **tài nghệ** của nhà văn. Cần phải hát đúng **giai điệu về thời đại mình** và phải miêu tả nó **một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo.**”*

→ Giải thích:

- Vế 1: thông điệp 1

- chân lí: miêu tả sự vật, hiện tượng, con người một cách chính xác như nó vốn có → hiện thực cuộc sống.
- giai điệu về thời đại mình: tái hiện hiện thực

- Vế 2: thông điệp 2

- tài nghệ của nhà văn: tư tưởng, tình cảm, thái độ, tài năng của người cầm bút trong việc khắc họa hiện thực
- miêu tả hiện thực một cách trung thực, bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo: cách khắc họa hiện thực phải thật sáng tạo, hấp dẫn, không phải là sự sao chép khô cứng

→ Nhận định này đề cập đến / khẳng định về bản chất, đặc trưng của văn học + sứ mệnh của người cầm bút.

→ Viết mẫu: *Lí giải cho nền tảng cốt lõi của tác phẩm văn học cũng như sứ mệnh của người cầm bút trước cuộc đời, nhà thơ Ra-xum Ga-đa-tốp đã khẳng khái đưa ra hai thông điệp. [giới thiệu] Trước tiên là thông điệp về thứ “chân lí”, thứ “giai điệu” của thời đại mà người nghệ sĩ cần bám vào và tập trung khắc họa. Ở đó, “chân lí” chính là sự phản ánh chân xác những sự vật, hiện tượng, con người trong thế giới khách quan muôn hình vạn trạng. Cụ thể hơn, việc các tác giả khắc họa chân lí ở đời cũng chính là việc họ “hát đúng giai điệu về thời đại mình”, cất lên tiếng thơ, tiếng văn mang hơi thở của hiện thực cuộc sống. [giải thích vế 1] Nhưng sứ mệnh của người cầm bút theo Ra-xum Ga-đa-tốp thì không chỉ dừng lại ở việc thể hiện chân lí hay tái hiện hiện thực mà còn cần dốc hết “tài nghệ”, miêu tả cuộc sống thì cần phải “trung thực” bằng những “hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo”. Nghĩa là mỗi tác phẩm văn chương nên là, phải là sự kết tinh của tâm huyết, tình cảm, tài năng người cầm bút, để rồi lấp lánh ở đó là những hình ảnh, chi tiết vừa chân thực, vừa hấp dẫn, vừa gần gũi vừa sáng tạo, sâu xa. [giải thích vế 2] Với những thông điệp được gửi gắm, ý kiến của Ra-xum Ga-đa-tốp thật chí lí và sâu sắc, nó đã một lần nữa **khẳng định bản chất của văn học là phản ánh đời sống và sự phản ánh ấy luôn trung thực, chân xác, sinh động, cao đẹp.** [nêu ý nghĩa của toàn bộ nhận định]*

2. Luận điểm 2: Chứng minh bằng cơ sở lí luận (Bàn luận)

- Lí giải nguyên nhân dẫn đến quan điểm này
- Giải thích rõ hơn nội dung được đề cập đến trong nhận định
- Trả lời những câu hỏi:
 - Là gì? (khái niệm của vấn đề lí luận văn học)
 - Như thế nào? (biểu hiện trong văn học)
 - Tại sao lại cần có những quan điểm đó? (nguyên nhân dẫn đến vấn đề này trong văn học)
- Lưu ý về cách diễn đạt:
 - Trích dẫn những nhận định phù hợp
 - Nên kết hợp giữa kiến thức lí thuyết về lí luận văn học và trải nghiệm cá nhân, hiểu biết hồn nhiên, trực cảm cá nhân.
 - Có thể mượn những từ ngữ trong nhận định để diễn đạt giúp

VD: LD bàn luận cho đề bài thực chiến: Bàn luận về đặc trưng thể hiện hiện thực của văn học

- Ý 1: Bản chất của văn học là khắc họa hiện thực cuộc sống.
- Ý 2: Văn học tái hiện cuộc sống như thế nào?
 - Ý 2.1: Tái hiện một cách chân thực, chính xác, khách quan
 - Ý 2.2: Tái hiện một cách cao đẹp – sáng tạo, quan điểm cá nhân, góc nhìn độc đáo, tình cảm, cảm xúc của người cầm bút
- Ý 3: Tại sao:
 - Ý 3.1: Cần phải được tồn tại cùng với cuộc sống con người
 - Ý 3.2: Mọi chức năng của văn học chỉ phát huy tốt khi nó gắn liền với cuộc đời con người, đem đến cho con người những nhận thức, trải nghiệm về cuộc sống.

→ Viết mẫu: *Thật vậy, mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời. Sức mạnh của văn học đến từ đâu nếu không phải là nguồn sống, chất sống cất lên từ hiện thực? Tựa như cây xanh muốn vươn cành trở lá thì phải bắt rễ sâu nơi bầu đất mỡ màu, tác phẩm văn chương muốn chiến thắng sự băng hoại của thời gian thì luôn cần bắt rễ từ hiện thực đời sống con người. Phản ánh đời sống như là một thuộc tính tất yếu, một nền tảng không thể lung lay của văn học. [Ý 1] Dù tác phẩm văn học có phong phú đa dạng đến đâu thì bất kì tác phẩm nào – hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, ở mức độ này hay mức độ khác – đều mang trong nó hơi thở của cuộc sống, bóng dáng của thời đại và hiện thực cuộc đời mà ở đó nó được sinh ra. Hiện thực được phản ánh trong trang viết phải trung thực, phù hợp với hoàn cảnh của thời đại. Hiện thực mỗi thời đại, mỗi thời kì khác nhau nên văn học mang nội dung cụ thể của thời đại mình. [Ý 2.1] Bên cạnh đó, “tác phẩm văn học là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp” (Sóng Hồng). Không nên hiểu sự phản ánh hiện thực đời sống bằng văn học một cách thô thiển như là một sự sao chép y nguyên hiện thực và mô tả nó một cách máy móc. Thực chất, nhà văn cầm bút lên và viết chính là bắt đầu cho quá trình chắt lọc, nhào nặn, tổ chức lại những chất liệu đời sống theo trí tưởng tượng phong phú và ý đồ nghệ thuật riêng. [Ý 2.2] Thế nên, mỗi trang văn là một trang đời sâu sắc, từng hơi thở cuộc đời cũng đều có thể tìm thấy cho mình một biểu hiện sinh động qua những hình ảnh hấp dẫn trong trang văn. [Ý 3.1] Chẳng tỏ vẻ thái quá đâu khi nói văn học là ô cửa rộng lớn của tâm hồn mà bạn đọc có thể đến bên và thu trọn trong tầm mắt của mình hình ảnh cuộc sống bao la, phong phú, rồi bạn đọc với cái tâm trong sáng và khát khao tiếp nhận còn có thể bước qua ô cửa ấy để được sống nhiều cuộc đời đã được khắc họa đủ đầy trên trang văn. Chỉ khi như vậy thì mỗi tác phẩm văn học mới tồn tại như một thông điệp báo cho người đọc hôm nay biết tác phẩm ấy đang ở đâu trong chiều ngang của không gian và khoảng nào trong chiều dọc của lịch sử. [Ý 3.2]*

Chú thích:

- **Chữ gạch chân:** các từ nối giữa các ý, tăng tính liên kết cho đoạn văn
- **Câu in đậm:** những câu văn bày tỏ suy nghĩ cá nhân, hồn nhiên, trực cảm hoặc trích dẫn nhận định mở rộng.

3. Luận điểm 3: Chứng minh bằng tác phẩm văn học

- Phân tích, cảm nhận tác phẩm văn học dựa trên nội dung được phản ánh trong nhận định
 - Mục đích của việc phân tích tác phẩm là gì?
 - Làm rõ được những nội dung của nhận định?
- Có thể xuất hiện 2 dạng:

- Đề bài chỉ rõ tác phẩm dùng để phân tích
- Đề bài không chỉ rõ tác phẩm → được tự chọn thì nên phân theo một trình tự phù hợp, chặt chẽ

VD: Dàn ý LB chứng minh bằng tác phẩm văn học cho đề bài thực chiến

Ý 1: Nền tảng chân lí trong 2 tác phẩm: hiện thực chiến tranh

- Đồng chí: những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (1948) – bản thân tác giả đã thấm thía tình đồng chí đồng đội
 - Hoàn cảnh ra đời
 - Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ cụ thể:
 - + Nguồn gốc xuất thân của người lính: nông dân
 - + Sự khó khăn, thiếu thốn, khắc nghiệt của đời sống lính tráng: thấm thía, chân thực
- BTVTĐXKK: kháng chiến chống Mĩ ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn – bản thân đã trực tiếp ngồi trong buồng lái của những chiếc xe không kính
 - Hoàn cảnh ra đời
 - Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ cụ thể:
 - + Hình ảnh những chiếc xe không kính
 - + Hình ảnh của cung đường Trường Sơn ác liệt với bom đạn không ngưng, với mưa bụi không dứt, với những sự gồ ghề, trắc trở

→ Cả hai bài thơ đã đã phản ánh trung thực hiện thực của đời sống chiến trường – những năm tháng đau thương mà vĩ đại, khốc liệt mà hào hùng → âm vang tinh thần thời đại, chân lí ngàn đời của dân tộc: Không có gì quý hơn độc lập tự do (Hồ Chí Minh)

Ý 2: Giai điệu của thời đại được cất lên một cách hấp dẫn, sinh động trong 2 tác phẩm

- Đồng chí:
 - Hình ảnh người lính chống Pháp: giản dị, mộc mạc với những tình cảm chân thành (7 câu đầu)
 - Hình ảnh thể hiện cho tình đồng chí:
 - + Thương nhau tay nắm lấy bàn tay: những vần thơ hăng vị đời mà vẫn súc tích, dư ba
 - + Đầu súng trăng treo: phát hiện, khám phá, vừa tái hiện hiện thực vừa biểu tượng cho những tình cảm cao đẹp, thiêng liêng → bức phù điêu hoành tráng thời kháng chiến
- BTVTĐXKK:
 - (nhắc lại) việc lựa chọn và tái hiện hình ảnh những chiếc xe không kính: tồi tàn, bị tàn phá nặng nề nhưng lại là vũ khí chiến đấu hiên ngang của những anh lính xế → minh chứng cho tinh thần của tuổi trẻ Việt Nam thời kì KCCM
 - Hình ảnh những người lính lái xe: chân thực trong cuộc sống, nhiệm vụ của các anh + tính phóng khoáng, ngang tàng, trẻ trung trong phẩm chất của người lính trẻ

4. Luận điểm 4: Đánh giá, mở rộng về vấn đề

- Chỉ ra mức độ xác đáng của ý kiến, xem ý kiến đã hoàn toàn đúng đắn hay chưa. Nếu ý kiến còn điểm nào chưa thuyết phục, người làm bài có thể nêu thêm những điều cần bổ sung để ý kiến hoàn thiện hơn.
- Từ nội dung ý kiến, đặt ra những yêu cầu cần có với nhà văn và người đọc.
 - Nhà văn phải có những đặc điểm gì thì mới có thể đáp ứng được yêu cầu mà đề bài đặt ra cho sáng tác văn học?
 - Người đọc cũng phải có những tiêu chuẩn nào thì mới có thể khám phá những điều nhà văn gửi gắm trong tác phẩm?

VD: LD đánh giá cho đề bài thực chiến

- Ý 1 - Mức độ xác đáng của nhận định: Ý kiến của Ra-xum Ga-đa-tốp đã tổng kết được toàn diện những yêu cầu đặt ra đối với một nhà văn trước sứ mệnh cao cả đem trang văn đến với cuộc đời. Tuy nhiên cần hiểu đúng quan điểm nhà văn phải “hát đúng giai điệu về thời đại mình” và phải “miêu tả nó một cách trung thực, không một chút giả tạo” nghĩa là đề cao vai trò của hơi thở đời sống trong trang văn chứ không phải đồng nhất giữa việc tái hiện trung thực cuộc sống với việc sao chép hiện thực một cách y nguyên, rập khuôn, thiếu sáng tạo.
- Ý 2 - Yêu cầu cần có với nhà văn và người đọc:
 - Để viết được những trang văn vừa dồi dào chất hiện thực, vừa có chiều sâu tư tưởng, tình cảm, nhà văn hẳn phải có tấm lòng tha thiết với đời, khả năng quan sát tinh tế và tầm trí tuệ uyên thâm.
 - Trong trái tim bạn đọc chúng ta luôn cần lắng những rung cảm chân thành trước trang văn, để cảm hiểu, để thiết tha, để ca vang mãi ý nghĩa cao đẹp của văn chương.

➔ Viết mẫu: Văn học luôn song hành cùng con người trên hành trình cuộc sống. Ý kiến của Ra-xum Ga-đa-tốp đã tổng kết được toàn diện những yêu cầu đặt ra đối với một nhà văn trước sứ mệnh cao cả đem trang văn đến với cuộc đời. Tuy nhiên cần hiểu đúng quan điểm nhà văn phải “hát đúng giai điệu về thời đại mình” và phải “miêu tả nó một cách trung thực, không một chút giả tạo” nghĩa là đề cao vai trò của hơi thở đời sống trong tác phẩm văn học chứ không phải đồng nhất giữa việc tái hiện trung thực cuộc sống với việc sao chép hiện thực một cách y nguyên, rập khuôn, thiếu sáng tạo. **[Ý 1]** Để viết được những tác phẩm vừa dồi dào chất hiện thực, vừa có chiều sâu tư tưởng, tình cảm, nhà văn hẳn phải có tấm lòng tha thiết với đời, khả năng quan sát tinh tế và tầm trí tuệ uyên thâm. “Và những trang sách của những tâm sự riêng tư đã vượt khỏi câu chuyện của một người để trở thành câu chuyện của muôn người” (Huỳnh Như Phương). Trong trái tim bạn đọc chúng ta luôn cần lắng những rung cảm chân thành trước trang văn, để cảm hiểu, để thiết tha, để ca vang mãi ý nghĩa cao đẹp của văn chương. **[Ý 2]**

V. Phương pháp viết kết bài

1. Yêu cầu đối với phần kết bài

- Dẫn dắt: tự do, linh hoạt
- Trích nhận định: dựa vào đề bài

- Nêu phạm vi dẫn chứng: dựa vào đề bài

2. Cách viết kết bài

a) Cách 1: Khẳng định lại tính đúng đắn của nhận định và ý nghĩa của các tác phẩm (cơ bản nhất, nhanh nhất)

- Gợi ý cách viết:

Ý kiến của tác giả A là một nhận định sâu sắc về + nội dung chính của nhận định. Các tác phẩm B, C, ... mang đến cho người đọc hôm nay niềm say sưa / niềm tự hào / cảm xúc mãnh liệt / ... về + nội dung chính của các tác phẩm. Với những giá trị như thế, văn chương sẽ mãi luôn là “đứa con tâm huyết” của người nghệ sĩ, là “người bạn tinh thần” của bạn đọc, là “người thầy gần gũi mà nghiêm khắc” ở mọi thời và đối với mọi người...

b) Cách 2: Mở rộng bằng quy luật của thời gian

- Gợi ý cách viết:

“Thời gian như là gió

Mùa đi theo tháng năm

Tuổi theo mùa đi mãi”

(Xuân Quỳnh)

Trước thách thức của thời gian, mọi giá trị đều lu mờ phủ bụi nếu nó không tác động sâu sắc tới lí trí và trái tim con người. Văn chương không nằm ngoài quy luật khắc nghiệt ấy nhưng kì diệu thay, văn chương chân chính cũng đứng trong hàng ngũ của những thứ “khí giới thanh cao và đặc lực” có sức mạnh trường tồn bền bỉ cùng với đời sống của chúng ta. Để làm nên điều đó, mỗi nhà văn, nhà thơ hãy thấm nhuần những quan điểm/chân lí đúng đắn như + nhận định, hãy ngụp lặn giữa bể đời rồi viết nên trang văn/trang thơ bất hủ như + tác phẩm làm dẫn chứng nếu có. Trân trọng tất cả những lao động nghệ thuật chân chính, tâm hồn ta sẽ được tưới tắm bởi lời hay, ý đẹp và rồi mãi tỏa ngát hương thơm.

c) Cách 3: Kết thúc bằng nhận định, bằng đặc điểm của văn học, bằng cảm xúc cá nhân → cách viết này hoàn toàn linh hoạt, tự do

- Cách viết: khẳng định ý nghĩa của nhận định và các tác phẩm → mở rộng bằng nhận định hoặc các đặc điểm của văn chương hoặc cảm nhận cá nhân.

VI. Các kiểu đề chứng minh nhận định mở rộng

1. Nhận định trực tiếp về tác giả, tác phẩm

- Nhận diện dạng đề: Đề bài đưa ra 1 ý kiến về tác giả, tác phẩm cụ thể → Phân tích tác phẩm để chứng minh ý kiến đó.
- Hướng dẫn làm bài:
 - LĐ 1: Khái quát và giải thích
 - Khái quát tác giả tác phẩm (không bắt buộc)
 - Giải thích nhận định → Rút ra ý nghĩa của toàn bộ nhận định
 - LĐ 2: Chứng minh
 - Phân tích tác phẩm để chứng minh cho nhận định
 - Hệ thống ý phân tích phải bám sát nội dung của nhận định
 - LĐ 3: Đánh giá
 - Đánh giá về tình đúng đắn của nhận định và giá trị của tác phẩm
- Đề minh họa: *Có ý kiến cho rằng: “Chuyện người con gái Nam Xương” khẳng định nét đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, đồng thời thể hiện niềm cảm thương cho số phận nhỏ nhoi, đầy tính bi kịch của họ dưới chế độ phong kiến”. Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.*

Gợi ý làm bài

Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và ý kiến nêu trong đề bài.

Thân bài:

a) Giải thích ý kiến

- “*Nét đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam*” được thể hiện ở nhân vật Vũ Nương: hiếu thảo với cha mẹ, thủy chung với chồng, yêu thương con hết lòng, gìn giữ hạnh phúc gia đình...
- “*Niềm cảm thương*”: sự thấu hiểu đồng cảm và thương xót của tác giả dành cho Vũ Nương.
- “*Số phận nhỏ nhoi, đầy tính bi kịch*” (của Vũ Nương): số phận đau khổ, bị hiểu lầm, bị hành hạ, phải tìm đến cái chết oan khuất.

→ Ý kiến trên đã nói chính xác nội dung cơ bản của “Chuyện người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ). Truyện kể về Vũ Nương, người phụ nữ có tâm hồn cao đẹp nhưng lại phải sống cuộc đời đau khổ,

oan trái, phải tìm đến cái chết để chứng minh sự trong sạch của mình. Qua đó, tác giả thể hiện niềm đồng cảm, xót thương đối với số phận của nàng.

b) Chứng minh

- Vũ Nương là người phụ nữ có vẻ đẹp tâm hồn
- Song Vũ Nương lại không được hưởng hạnh phúc mà lại phải tìm đến cái chết oan uổng và vô cùng đau đớn. Nói cách khác, số phận của nàng thật nhỏ nhoi, đầy tính bi kịch.
- Niềm cảm thương của Nguyễn Dữ đối với Vũ Nương: trân trọng vẻ đẹp tâm hồn; thấu hiểu, đồng cảm với những nỗi oan khổ của Vũ Nương và thương xót cho số phận của nàng; lên án, phê phán người chồng và xã hội phong kiến với tư tưởng trọng nam khinh nữ đã đẩy Vũ Nương vào hoàn cảnh bi kịch.

c) Đánh giá

- Nhận định hoàn toàn đúng đắn về tác phẩm
- Từ đó, bạn đọc có thêm góc nhìn để cảm nhận trọn vẹn giá trị của tác phẩm

Kết bài: Nêu những ấn tượng sâu đậm của bản thân về tác phẩm.

2. Hai hay nhiều nhận định đối lập hoặc tương đồng

- Nhận diện dạng đề: Đề bài trích dẫn 2 hoặc nhiều nhận định → em có đồng tình với nhận định không → chứng minh qua tác phẩm
- Hướng dẫn làm bài:
 - LĐ 1: Giải thích nhận định
 - Giải thích lần lượt từng nhận định
 - Chỉ ra mối quan hệ giữa các nhận định (đối lập hay tương đồng hay bổ sung cho nhau...) → rút ra vấn đề cốt lõi là gì
 - LĐ 2: Chứng minh bằng cơ sở lí luận
 - Áp dụng kiến thức lí luận để bàn luận về vấn đề cốt lõi được nhắc đến trong các nhận định
 - Làm tương tự dạng đề 1 nhận định lí luận văn học
 - LĐ 3: Chứng minh bằng tác phẩm văn học
 - Phân tích 1 hoặc nhiều tác phẩm để chứng minh cho nhận định
 - Hệ thống ý phân tích phải bám sát nội dung của các nhận định
 - LĐ 4: Đánh giá, nhận xét
 - Đánh giá về tính đúng đắn của các nhận định

- Bổ sung những quan điểm để vấn đề được toàn diện hơn (nếu có)
- Yêu cầu đối với người sáng tác và người tiếp nhận

- Đề minh họa:

Nhà ngôn ngữ học Jakobson từng nói: “Thơ là nghệ thuật lấy ngôn ngữ làm cứu cánh”.

Nhà thơ Chế Lan Viên cũng viết: “Làm thơ là tạo ra một hành tinh thứ hai bằng ngôn ngữ”.

Em có đồng ý với hai ý kiến trên không? Từ hai ý kiến ấy, hãy bàn về vai trò của ngôn ngữ với thơ ca.

Gợi ý làm bài

Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận

Thân bài:

a) Giải thích nhận định

- Ngôn ngữ: được hiểu là ngôn từ nghệ thuật trong tác phẩm văn học, đây là ngôn từ toàn dân đã được nghệ thuật hóa (chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt...) và đặc biệt ngôn từ ấy phải đem lại cho người đọc những cảm xúc thẩm mỹ, cảm xúc được nhận biết thông qua những rung động tình cảm.
- Ý kiến của Jakobson: khẳng định ngôn ngữ là “cứu cánh”, là mục đích cuối cùng của thơ ca. Nói cách khác, nhà thơ phải dụng công, dụng tâm khi lựa chọn từ ngữ thì tác phẩm mới có giá trị.
- Ý kiến của Chế Lan Viên: nêu vai trò của ngôn ngữ chính là chất liệu sáng tạo của nhà văn. Với ngôn ngữ, nhà thơ “vẽ ra một hành tinh thứ hai”, một thế giới hiện thực nhưng là hiện thực được phản chiếu trong thơ, có nhiều nét cách điệu, khác biệt so với hiện thực ngoài đời.

➔ Hai ý kiến đều đề cao tầm quan trọng của ngôn ngữ đối với thơ ca nhưng ý kiến của Jakobson có phần hơi cực đoan.

b) Chứng minh bằng cơ sở lý luận

- Ngôn ngữ là chất liệu, là phương tiện biểu hiện mang tính đặc trưng của văn học. Không có ngôn ngữ thì không thể có tác phẩm văn học (phi ngôn ngữ bất thành văn). Trong tác phẩm văn học, ngôn ngữ là phương tiện để cụ thể hóa và vật chất hóa sự biểu hiện chủ đề và tư tưởng tác phẩm, tính cách nhân vật và cốt truyện... Vì vậy, để chinh phục người đọc, ngôn ngữ không được nằm cứng đờ trên trang giấy mà phải sinh động, vừa có hình vừa có hồn, truyền được cảm xúc mãnh liệt cho người thưởng thức.

- Một tác phẩm có giá trị chắc chắn phải là một tác phẩm hài hòa giữa hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Nhà văn phải có những sáng tạo độc đáo về ngôn ngữ, phải biết dùng chữ để vận chuyển tâm linh, phải coi lời văn nghệ thuật vừa là phương tiện vừa là mục đích hướng tới của mình. Tuy nhiên văn hay không chỉ ở “lời” mà còn bởi “ý”. Nếu tác phẩm chỉ có lớp vỏ ngôn ngữ đặc sắc mà không có một nội dung đậm chất nhân văn, tác phẩm ấy không thể sống mãi với muôn đời.

c) Chứng minh qua một số tác phẩm cụ thể

Học sinh có thể tự chọn tác phẩm để phân tích. Phần phân tích cần sâu sắc, chân thành, làm sáng tỏ được vai trò của ngôn ngữ với thơ ca.

d) Nhận xét, đánh giá

- Hai ý kiến của Jakobson và Chế Lan Viên đã chỉ ra tầm quan trọng của ngôn từ nghệ thuật. Đây là điều luôn được nhà văn và độc giả quan tâm.
- Để tác phẩm đi vào lòng người đọc, ngôn ngữ của tác phẩm phải được dùng để thể hiện những nội dung mới mẻ, có giá trị.
- Để trở thành bậc thầy ngôn ngữ, nhà văn phải lao động sáng tạo không ngừng nghỉ. Nói như Maiacốpski: “Tôi viết được một chữ, tôi phải có một quặng chữ” hay Chế Lan Viên: “Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật / Một giọt mật thành, đòi vạn chuyển ong bay”.

Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

Chuyên đề lí luận văn học

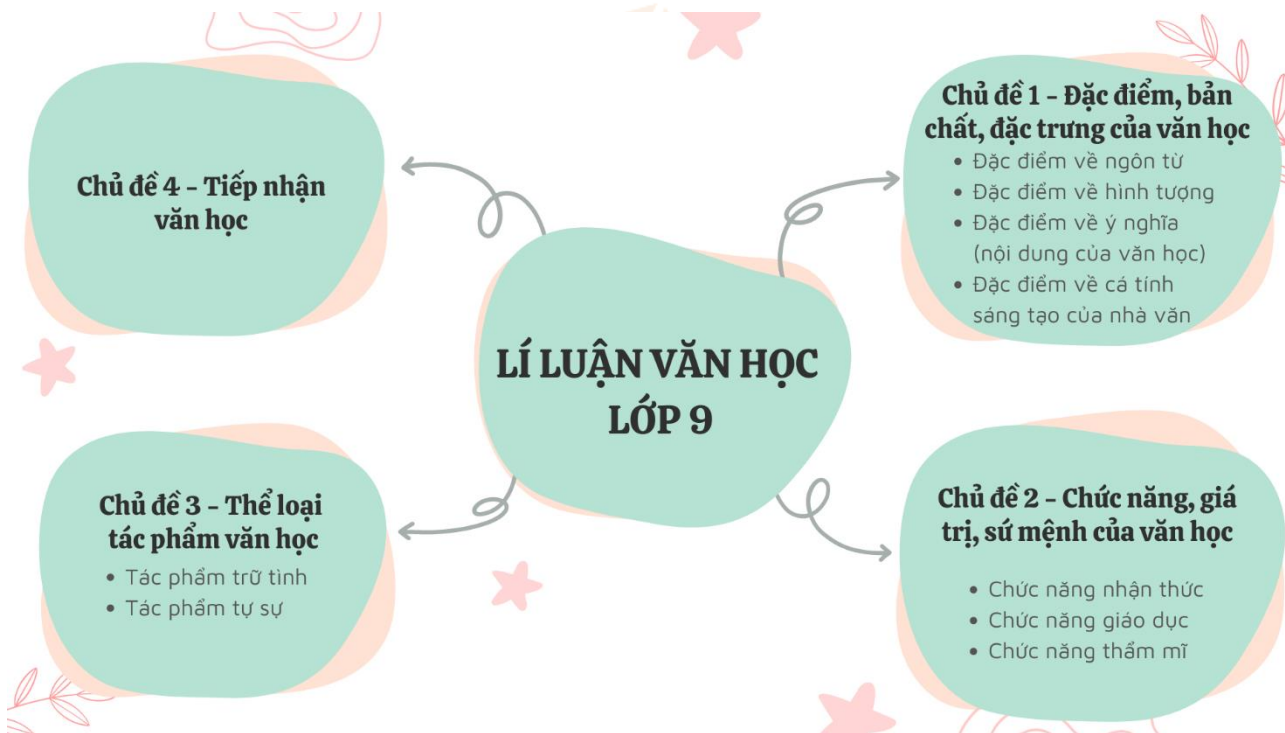
đặc điểm về ngôn từ của tác phẩm văn học

Phần 1: Tổng quan về lí luận văn học

1. Lí luận văn học là gì?

Lí luận văn học là nghiên cứu văn học ở bình diện khái quát, nhằm tìm ra những quy luật chung nhất về văn học.

2. Những chủ đề lí luận văn học học sinh lớp 9 cần tập trung



3. Cách học từng nội dung lí luận văn học

- Mỗi chủ đề cần làm rõ qua các câu hỏi:
 - Là gì? (khái niệm)
 - Như thế nào? (biểu hiện)
 - Vì sao? (cơ sở nội tại của văn học và cơ sở khách quan từ đời sống xã hội)
- Linh hoạt áp dụng kiến thức lí luận văn học ở những vị trí khác nhau trong bài nghị luận văn học:

- Mở bài: dẫn dắt
- Thân bài: luận điểm chứng minh bằng cơ sở lí luận, luận điểm chứng minh bằng tác phẩm văn học, luận điểm đánh giá
- Kết bài: Liên hệ mở rộng

Phần 2 (Chủ đề 1 - đặc điểm, bản chất của văn học)

đặc điểm về ngôn từ của tác phẩm văn học

1. Khái niệm

- Ngôn từ của tác phẩm văn học là ngôn từ nghệ thuật, là ngôn từ toàn dân đã được nghệ thuật hóa (chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt...) và đặc biệt ngôn từ ấy phải đem lại cho người đọc những cảm xúc thẩm mỹ – cảm xúc được nhận biết thông qua những rung động tình cảm.
- Ngôn từ văn học cũng là một dạng của lời nói, nhưng là lời nói được sử dụng nhằm xây dựng nên các hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm.

➔ Ngôn từ là chất liệu của văn học. Văn học sử dụng ngôn từ như là chất liệu và phương tiện để miêu tả đời sống và biểu hiện tư tưởng, tình cảm của nhà văn trước cuộc đời. (Đặc trưng của mỗi loại hình nghệ thuật bắt nguồn từ chất liệu mà loại hình ấy sử dụng...)

Lưu ý: Những kiến thức này chủ yếu sử dụng ở:

- Luận điểm giải thích khi nhận định có chứa thuật ngữ hoặc hình ảnh về ngôn từ văn học.
- Luận điểm bàn luận (chứng minh bằng cơ sở lí luận)

2. Đặc trưng của ngôn từ văn học

- Tính hình tượng:
 - Tính hình tượng của ngôn từ nghệ thuật thể hiện ở khả năng gợi lên những hình ảnh, đường nét, màu sắc, âm thanh, mùi vị... của sự vật hiện tượng được miêu tả.
 - Ngôn từ nghệ thuật gây cho người đọc ấn tượng về thị giác, thính giác, xúc giác..., khiến cho họ có thể cảm nhận một cách cụ thể, cảm tính, rõ ràng, xác thực đối với cảnh vật, sự kiện và con người được tái hiện trong tác phẩm.
- Tính biểu cảm:
 - Tính biểu cảm của ngôn từ nghệ thuật thể hiện ở khả năng bộc lộ mạnh mẽ cảm xúc, thái độ, cách đánh giá của nhà văn đối với các hiện trạng của đời sống.

- Ngôn từ nghệ thuật lan truyền và đẩy lên những cảm xúc phong phú, dồi dào trong lòng người đọc.
- Tính hàm súc cao: Ngôn từ trong tác phẩm văn học là ngôn ngữ đã được nhà văn chọn lựa, chất lọc một cách kĩ càng sao cho bằng lượng từ ngữ cô đọng nhất cũng có thể gọi lên chính xác nhất bản chất của sự vật, hiện tượng. → Ý tại ngôn ngoại, nói ít gọi nhiều, ngôn từ hàm chứa nhiều tầng nghĩa.
- Phẩm chất thẩm mĩ và khả năng nghệ thuật:
 - Ngôn từ - như là chất liệu và phương tiện của văn học – phải là lời nói hay, lời nói đẹp, là lời nói có khả năng làm lay động lòng người và khơi dậy cảm xúc thẩm mĩ.
 - Người đọc văn không chỉ được thưởng thức “tình hay ý đẹp” mà còn say đắm với vẻ đẹp của con chữ trong tác phẩm.

Lưu ý: Những kiến thức này chủ yếu sử dụng ở:

- Luận điểm bàn luận (chứng minh bằng cơ sở lí luận)
- Luận điểm đánh giá, nhận xét

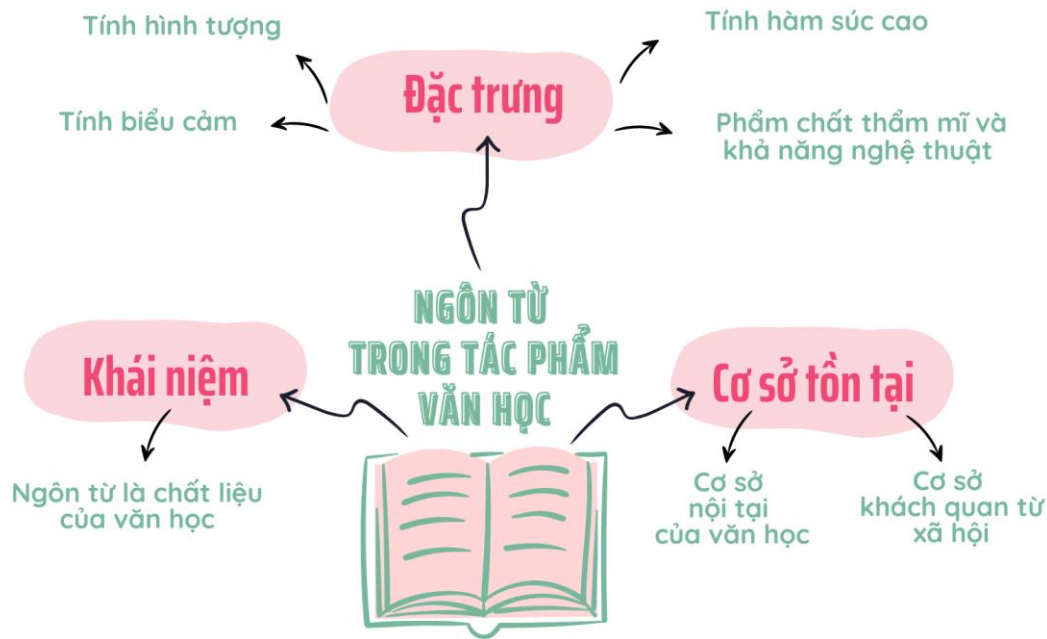
3. Cơ sở tồn tại của những đặc trưng trong ngôn từ văn học

- Cơ sở nội tại của văn học:
 - Nhà văn sáng tác tác phẩm nghệ thuật là một quá trình lao động mà ngôn từ trong tác phẩm chính là thành quả của quá trình ấy. Bởi vậy, ngôn từ nghệ thuật luôn được trau chuốt, chứa đựng dụng ý của tác giả.
 - Tác phẩm văn học ghi dấu ấn trong lòng bạn đọc, có được sức sống lâu bền là bởi lớp ngôn từ của tác phẩm ấy. Ngôn từ là yếu tố đầu tiên quyết định sự tồn tại của tác phẩm.
 - Bạn đọc chỉ có thể tiếp nhận giá trị văn học, hiểu và cảm nhận được tác phẩm văn học thông qua hệ thống ngôn từ của tác phẩm ấy.
- Cơ sở khách quan từ xã hội
 - Ngôn từ luôn gắn liền với đời sống con người.
 - Mỗi loại hình nghệ thuật đều mang những đặc trưng của thứ chất liệu làm ra nó. Văn học cũng là một loại hình nghệ thuật.

Lưu ý: Những kiến thức này sử dụng chủ yếu ở:

- Luận điểm bàn luận (chứng minh bằng cơ sở lí luận)
- Luận điểm đánh giá, nhận xét

Sơ đồ tóm tắt kiến thức về NGÔN TỪ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC



4. Một số nhận định về ngôn từ văn học

- Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng. (Sóng Hồng)
- Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật
Một giọt mật thành, đòi vạn chuyển ong bay
(Chế Lan Viên)
- Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gọi. (Lưu Trọng Lư)
- Làm thơ là tạo ra một hành tinh thứ hai bằng ngôn ngữ. (Chế Lan Viên)
- Tả một môi son, có khi anh chỉ nói sắc ven hồ
Phải giấu tình cảm của anh đi như ém quân trong rừng vắng
Chỉ vì anh nghĩ đến người độc giả mai sau có cái thú đi tìm vàng trên trang giấy
Đang bơi thuyền giữa sen hồ bỗng bắt gặp môi son
(Chế Lan Viên)
- Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo. Không nên ăn bám vào ngôn ngữ của người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn hay... Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy, nhưng sử dụng nó sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ, thấp khớp. (Nguyễn Tuân)

- *Thơ văn quý ở chỗ cong.* (Viên Mai)
- *Tất cả thơ văn, chữ chữ phải đứng ở trên trang giấy chứ không được nằm đơ trên trang giấy.* (Viên Mai)
- *Yếu tố đầu tiên của văn học là yếu tố ngôn ngữ, công cụ chủ yếu của nó – cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống – là chất liệu của văn học.* (M. Gorki)
- *Phải phí tổn nghìn cân quặng chữ*
Mới thu về một chữ mà thôi
Những chữ ấy làm cho rung động
Triệu trái tim trong hàng triệu năm dài
(Mai-a-cốp-xki)

5. Bài tập thực chiến

Đề bài: Trong “Tùy Viên thi thoại”, Viên Mai có viết: “*Thơ văn quý ở chỗ cong*”.

Em hiểu thế nào về nhận định trên? Hãy phân tích một số tác phẩm văn học để làm sáng tỏ nhận định trên.

Hướng dẫn chi tiết

1. Mở bài

Cái đẹp trong thơ là cái đẹp của thế giới hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng ngôn từ. Đó là thứ ngôn ngữ hàm súc, đa nghĩa. Sức hấp dẫn của một bài thơ hay khiến mắt ta không rời trang giấy, tâm trí ta buộc phải đọc đi đọc lại nhiều lần là “ý tại ngôn ngoại” của thơ. Nó mang lại cái dư vị ngân nga, là tiếng lòng gọi bao liên tưởng, suy ngẫm. Đọc thơ là một quá trình khám phá đầy thú vị của chính bản thân người thưởng thức. Chính vì vậy, Viên Mai – nhà thơ, nhà lí luận phê bình văn học Trung Quốc là người đưa ra quan điểm sâu sắc về thơ: “*Thơ văn quý ở chỗ cong*”.

2. Thân bài

LĐ 1: Giải thích

- Trước tiên, ta phải hiểu “cong” chính là lối nói gián tiếp, kín đáo để truyền tải nội dung tư tưởng, tình cảm của thơ. Đó chính là cái tứ, cái kín đáo và hàm súc.
- Đối với thơ, “cong” là quý vì nếu thơ “thẳng” quá, đọc xong hiểu ngay, hiểu hết thì khó để lại dư vị cho người đọc. Cái gọi là “ý tại ngôn ngoại” trong thơ chính là từ ẩn ý của từ “cong” mà ra.

LĐ 2: Bàn luận (chứng minh bằng cơ sở lí luận)

- “Chỗ cong” chính là một đặc trưng của ngôn từ trong thơ văn – đặc trưng về tính hàm súc. Ngôn từ trong tác phẩm văn học nói chung và đặc biệt trong thơ nói riêng là ngôn ngữ đã được tác giả chọn lựa, chắt lọc một cách kĩ càng sao cho bằng lượng từ ngữ cô đọng nhất cũng có thể gọi lên chính xác nhất bản chất của sự vật, hiện tượng.
- Sở dĩ thơ văn thường “cong” là vì ngôn ngữ văn chương vốn gọi nhiều hơn tả. Nhà văn không trực tiếp diễn tả điều mình muốn nói mà thể hiện thông qua những hình tượng văn học. Vì thế, tìm hiểu ngôn ngữ văn chương nếu chỉ dừng lại ở nghĩa bề mặt thì chưa hiểu được những kí thác của nhà thơ.

LĐ 3: Chứng minh bằng dẫn chứng văn học

(Lựa chọn đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” và “Kiều ở lầu Ngưng Bích” của Nguyễn Du)

❖ “Chị em Thúy Kiều”:

- Trong “Chị em Thúy Kiều”, Nguyễn Du gián tiếp bày tỏ quan điểm tiến bộ của mình về cái đẹp. Với nhà thơ, người phụ nữ hoàn thiện là người đẹp về nhan sắc, tâm hồn và thực sự là một tài năng. Nếu như miêu tả về Thúy Vân, Nguyễn Du miêu tả vẻ đẹp cụ thể từ gương mặt, nụ cười, mái tóc... thì khi miêu tả Thúy Kiều, tác giả chỉ miêu tả thần thái của vẻ đẹp. Đó là đôi mắt của Thúy Kiều:

“Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”

Ông dùng bút pháp ước lệ tượng trưng để hội tụ tất cả những vẻ đẹp của đất trời trong một nhan sắc. Đôi mắt là làn nước mùa thu xanh biếc, “nét xuân sơn” là nét mày cong hay hàng mi cong rợp bóng xuống hồ thu. Hiện lên giữa câu thơ là đôi mắt nàng Kiều. Đôi mắt biết chớp – mở, khóc – cười, hờn giận – yêu thương. Tả nhan sắc mà chỉ tả đôi mắt thì nhan sắc kia không còn là nhan sắc nữa, mà nhan sắc đã hóa tâm hồn vì “đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn”. Đôi mắt ấy còn có sức mạnh chinh phục làm chao đảo hồn người. Biện pháp nói quá được nhà thơ sử dụng cho thấy một nhan sắc có thể mang tai họa đến cho người thì trách chi đời nàng không khổ đau, sóng gió. Vẻ đẹp của Kiều “vượt nường” không còn trong chuẩn mực khiến cho thế giới thiên nhiên được nhân hóa biết hờn ghen, ầm ức chứ không chấp nhận thua thường. Phải chăng điều này là sự kín đáo dự báo của nhà thơ cho một kiếp người “tài tình chi lắm cho trời đất ghen”.

- Không chỉ đẹp về nhan sắc, ở Kiều còn có một tình cảm ấm áp: “Kiều càng sắc sảo mặn mà”. Nếu “sắc sảo” là thông minh, tài trí, thì “mặn mà” là tình cảm nồng nàn, đắm say không nhạt nhẽo, không vô tình, vô tâm. Tài năng của Kiều cũng góp phần thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, trái tim giàu cảm xúc. Đặc biệt, nếu âm nhạc là nơi kí thác của tâm hồn thì qua bản nhạc “Thiên Bạc mệnh” nàng sáng tác thuở còn “êm đềm trướng rủ” đã cho thấy trái tim nàng sớm đã biết đồng cảm và chan chứa yêu thương.
- Quan điểm của Nguyễn Du rất tiến bộ khi đề cao cái đẹp của tài hoa và trí tuệ. Mặc dù ý thức hệ phong kiến khẳng định khả năng trí tuệ, chữ tài chỉ gắn với người quân tử. Thế nhưng, Nguyễn Du đã khẳng định Kiều thực sự là một tài năng:

“Thông minh vốn sẵn tính trời

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm”

Ông khẳng định Kiều là thông minh, sắc sảo hơn người. Bao nhiêu những năng khiếu về nghệ thuật như thi – họa – ca ngâm đều hội tụ nơi người con gái ấy. Đặc biệt nhà thơ nhấn mạnh vào khả năng “ăn đứt” hơn hẳn mọi người là tài đánh đàn của nàng:

“Cung thương lầu bậc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương”

➔ Quả thực, Kiều mang đầy đủ những tố chất của một nghệ sĩ lớn. Trong một xã hội với bao quan niệm hẹp hòi về người phụ nữ, hình tượng Thúy Kiều với tài hoa rực rỡ, trí tuệ thông minh mang ý nghĩa lãng mạn đẹp đẽ. Đó chính là tư tưởng nhân đạo đầy tiến bộ, là chỗ “cong” mà Nguyễn Du không trực tiếp nói ra, thay vào đó nhà thơ chọn cách gửi gắm kín đáo trong tác phẩm của mình.

❖ “Kiều ở lầu Ngưng Bích”:

- Đến với “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, Nguyễn Du ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn giàu yêu thương, đức hi sinh của Kiều qua nỗi nhớ, niềm thương:

“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

Tin sương luống những rày trông mai chờ”

Chỉ một từ “tưởng” thôi mà bao nhiêu sức gợi. Phải chăng đó là những hồi tưởng về cảnh đêm trăng hò hẹn với người dưới trăng cùng chung lời hẹn ước. “Tưởng” còn là hình dung hình ảnh

chàng Kim Trọng “rày trông mai chờ” tin nàng nơi quê nhà. “Trưởng” còn là sự vọng tưởng tới một bóng hình yêu dấu trong nỗi xót xa khi Kim Trọng giờ đây không còn là của nàng nữa.

“Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ”

“Xót” là nỗi đau. Nàng lấy lòng mình mà đo nỗi đau của lòng cha mẹ. Buổi “hôm mai” tiễn con về nhà chồng có ngờ đâu sự thật đời con rơi vào “ổ rấn hang hùm” chịu bao đau xót. Nếu biết hoàn cảnh thực sự này chắc cha mẹ xót xa biết chừng nào. “Xót” còn là niềm lo lắng cho cha mẹ tuổi già sức yếu không người chăm sóc. Các điển tích, điển cố nói thay nỗi dằn vặt khôn nguôi của người con hiếu thảo với mẹ cha.

“Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

Trong thơ, thời gian, không gian không còn là thời gian vật lí và địa lí nữa. Đó là thời gian, không gian của tâm trạng, lòng người nhớ thương. Mới xa cách mẹ cha vài tháng trời mà ngỡ như đã mấy chục năm trôi qua mòn mỏi.

- Quả là, qua dòng nội tâm chất chứa kia, Nguyễn Du đã tìm ra vẻ đẹp của một tâm hồn thủy chung, hiếu thảo và giàu đức hi sinh. Những kí thác của nhà thơ Nguyễn Du còn gửi vào tâm trạng của Kiều ở lầu Ngưng Bích. Đó là bức tranh tâm cảnh. Mỗi cảnh có một nét riêng, diễn tả một khía cạnh trong tâm hồn Kiều. Cảnh nhuộm màu tê tái: Cảnh buồm cô đơn không bến, cánh hoa lìa cành không biết về đâu, ngọn cỏ úa tàn và sóng nước hải hùng...
- Điệp ngữ “buồn trông” lặp lại nhiều lần như nỗi buồn trùng điệp bủa vây. Một nỗi buồn ảm đạm trong tim, trông ra cảnh, cảnh nhuộm màu tâm trạng:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”

Không gian cửa bể là nơi gặp gỡ của những dòng sông tìm ra biển rộng. Nơi nước trời mở rộng tới vô cùng. Thời gian trong thơ là buổi chiều gợi nỗi cô đơn. Con thuyền thấp thoáng như hi vọng vừa lóe lên rồi vụt tắt. Gửi vào cảnh nơi đây là nỗi buồn nhớ quê hương và nỗi cô đơn, tuyệt vọng của một thân phận lạc loài. Cảnh sóng nước thủy triều lên xuống với hoa trôi:

“Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu?”

Xót xa thay cảnh hoa trôi lạc theo con sóng thủy triều. Hoa gì không rõ mà điệu trôi lại rất rõ. “Man mác” là không định được hướng trôi, đành phó thác cho sóng gió đẩy đưa. Câu hỏi tu từ trong thơ là niềm hoang mang, lo lắng của Kiều hay của Nguyễn Du cho bao số phận cuộc đời trôi nổi?

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

Màu cỏ, màu mây, màu trời nối tiếp nhau với sắc xanh nhạt nhòa như ẩn dụ cho một tương lai mịt mù, xám xịt. Trông cảnh hôm nay tiếc nuối cảnh hôm nào. Còn đâu đồng cỏ xanh tiết Thanh Minh ngày nọ? Cỏ bây giờ là cả một vùng cỏ hoang nơi mộ địa. Cỏ buồn như cỏ trên mộ Đạm Tiên xưa...

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

Tà dương đã lặn. Bóng tối bao trùm. Gió lạnh và những con sóng tâm tư đang cuộn trào trong lòng người. Cảnh như dự báo những tai ương bất hạnh đang chuẩn bị đổ xuống đời Kiều. Đặc biệt, nhà thơ xây dựng hình ảnh tăng tiến càng lúc càng dữ dội. Sóng không “vỗ” mà “kêu” lên đầy đe dọa. Sóng không đến từ một phía mà đến từ nhiều phía như bủa vây một thân phận bé nhỏ của Kiều. Phải chăng gửi trong cảnh đấy là nỗi buồn lo, sợ hãi cho những tai ương, sóng gió sẽ đến với Kiều.

➔ Tóm lại, bút pháp tả cảnh ngụ tình tài hoa và tinh tế của Nguyễn Du là “chỗ cong” để gửi bao niềm cảm thông, đồng cảm của ông với nỗi đau của số phận con người.

3. Kết bài

Qua hai trích đoạn trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, ta hiểu hơn đặc trưng của ngôn ngữ văn chương được nhắc đến trong câu nói: “Thơ văn quý ở chỗ cong”. Phải giải mã được những “chỗ cong” ta mới hiểu được nội dung tác phẩm và những thông điệp nhà thơ gửi gắm. Đây là một thách thức với người đọc, cũng là điểm làm nên sức hấp dẫn cho tác phẩm. Tuy nhiên, cái “cong” của ngôn ngữ văn chương phải xuất phát từ cái tình chân thật của tác giả chứ không phải từ sự dẻo gọt cầu kì.

Điều này được minh chứng trong “Truyện Kiều” để bao điều kí thác của người xưa gọi lên những suy ngẫm sâu xa trong lòng người đọc hôm nay.



Chuyên đề lí luận văn học đặc điểm về hình tượng trong tác phẩm văn học

I. Hình tượng trong tác phẩm văn học

1. Khái niệm (Là gì?)

Bất cứ **hiện tượng, con người, sự vật** nào được **xây dựng lại một cách sáng tạo** trong **tác phẩm văn học** thì đều là **hình tượng văn học**. (VD: hình tượng người phụ nữ, hình tượng người lính, hình tượng người mẹ, hình tượng người nông dân...)

2. Đặc điểm (Như thế nào?)

- Chúng ta chỉ có thể hình dung ra hình tượng văn học **bằng trí tưởng tượng** và **khả năng liên tưởng của mình**. Do hình tượng văn học được xây dựng bằng chất liệu ngôn từ.
- Quá trình **miêu tả** hình tượng văn học thường sẽ **chậm**. Vì hình tượng văn học không tác động trực tiếp vào các giác quan bên ngoài của chúng ta mà nó chỉ là sự xuất hiện bằng ngôn ngữ mà thôi. Vẻ đẹp của hình tượng văn học phải là một quá trình ngẫm nghĩ, tự cảm nhận dài lâu.
- Hình tượng văn học thường **kém sáng rõ** so với hình tượng của các loại hình nghệ thuật khác. Vì khi xây dựng hình tượng văn học đôi khi tác giả chỉ dùng những nét phác thảo, thường bỏ qua nhiều chi tiết trong việc miêu tả đối tượng, có khi “chừa lại đất” cho người đọc tự cảm thụ lấy.
- Hình tượng văn học có thể mạnh trong việc **phát huy cao độ vai trò “đồng sáng tạo” của bạn đọc**.
- **Con người chính là hình tượng trung tâm của tác phẩm văn học.**

+ Đối tượng phản ánh đặc thù của văn học là con người. Văn học bao giờ cũng đặt con người vào vị trí trung tâm, lấy con người làm đối tượng chủ yếu của sự phản ánh. Đối với văn học, con người luôn là nơi quy chiếu của mọi vẻ đẹp và mọi giá trị của đời sống.

+ Con người trong tác phẩm văn học là con người cụ thể, sinh động và hấp dẫn.

+ Con người được miêu tả trong văn học là con người toàn vẹn với tất cả đời sống tự nhiên và xã hội.

➔ Việc miêu tả con người trong văn học không phải chỉ nằm ở việc miêu tả hành động hay chân dung, mà điều quan trọng là việc phản ánh tính cách, thân phận và những suy tư của họ.

➔ Tính nhân bản của văn học (nhân văn, nhân đạo)

3. Ý nghĩa, tác động (Vì sao? Cơ sở tồn tại của hình tượng trong văn học)

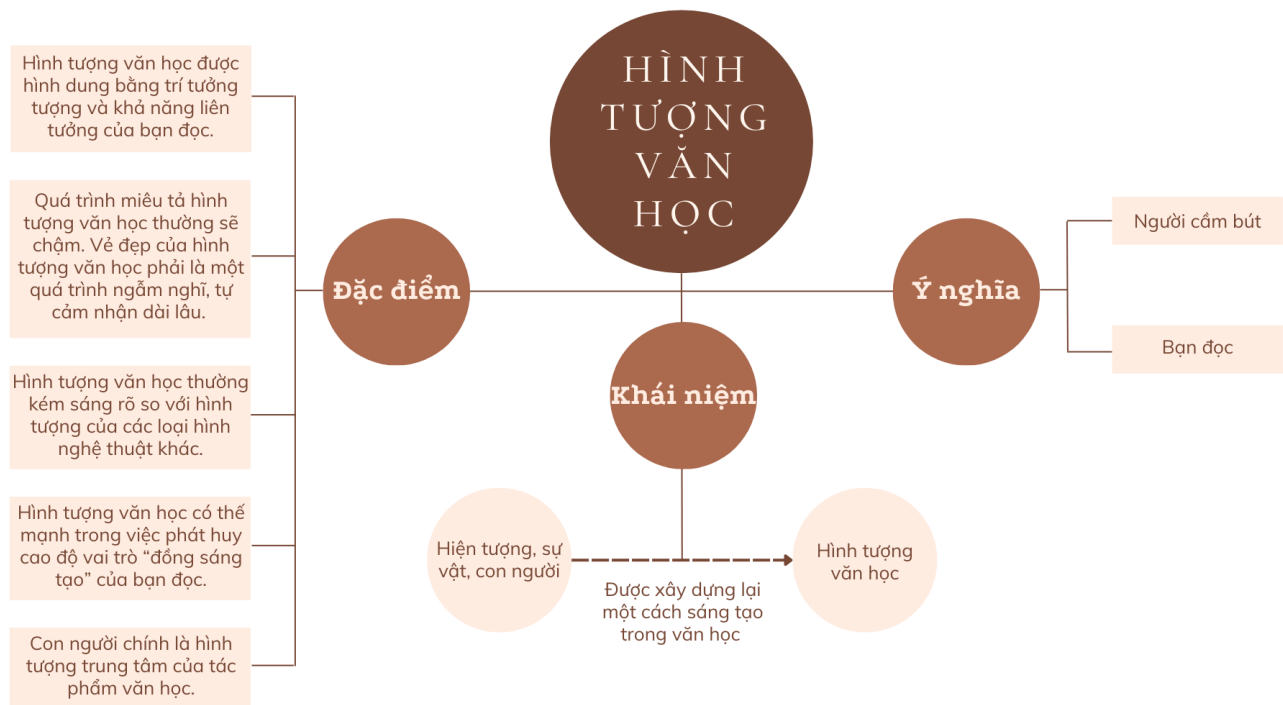
- Người cầm bút: Mỗi cây bút phải là một nhà nhân đạo trong cốt tủy để khám phá ra hiện thực đời sống với bao nỗi niềm băn khoăn, thao thức, sướng vui, đau khổ... của con người. Và người nghệ sĩ phải đắm mình vào cuộc sống, tích lũy những gì tinh túy nhất đem vào trang viết của mình.
- Bạn đọc: mỗi số phận trong văn học giúp người đọc được trải nghiệm với một cuộc đời sinh động và toàn vẹn. Đến với văn học, trong tâm thế đọc để hiểu, để thấm, người đọc có cơ hội được sống nhiều cuộc đời khác nhau.

4. Một số nhận định về hình tượng của văn học

- “Văn học và cuộc sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người”. (Nguyễn Minh Châu)
- “Con người, tiếng ấy thật tuyệt diệu, nó vang lên kiêu hãnh và hùng tráng xiết bao!” (M. Gorki)
- “Con người với tất cả đời sống tự nhiên và xã hội của nó chính là đối tượng và cũng là đặc trưng cơ bản của văn học”. (Lê Ngọc Trà)
- “Nhà thơ tư duy bằng hình tượng.” (Belinxki)
- “Văn học là nhân học”.
- “Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”. (Sê-khốp)
- “Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người”. (Đặng Thai Mai)
- “Nhà văn phải là người đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người.” (Nguyễn Minh Châu)
- Tình yêu thương con người của người nghệ sĩ “vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người xung quanh mình”. (Nguyễn Minh Châu)
- “Một vầng trăng in trong gương
Vẫn là một vầng trăng
Một vầng trăng qua lòng mắt nghệ sĩ
Có thể thành vô vàn nét đẹp”
(Phạm Thiên Thư)
- “Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi

Còn một nửa cho mùa thu làm lấy
Cái xào xạc hồn anh là xào xạc lá
Nó không là anh nhưng nó là mùa”
(Chế Lan Viên)

Sơ đồ tóm tắt kiến thức về Hình tượng trong văn học



II. Bài tập thực chiến

Đề bài: “Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người.” (Nguyễn Minh Châu).

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua tác phẩm “Bếp lửa” của Bằng Việt.

Dàn ý

LĐ 1: Giải thích nhận định

- “hai vòng tròn đồng tâm”: hai khía cạnh văn học và đời sống không tách rời nhau
- “tâm điểm là con người”: cùng xuất phát từ 1 tâm điểm chính là con người

➔ Con người là tâm điểm của đời sống và của văn học (nhấn mạnh vai trò của con người / hình tượng con người trong muôn mặt đời sống và đặc biệt là trong văn học)

LĐ 2: Bàn luận (chứng minh bằng cơ sở lí luận)

- Như thế nào? **Con người chính là hình tượng trung tâm của tác phẩm văn học.**

+ Đối tượng phản ánh đặc thù của văn học là con người. Văn học bao giờ cũng đặt con người vào vị trí trung tâm, lấy con người làm đối tượng chủ yếu của sự phản ánh. Đối với văn học, con người luôn là nơi quy chiếu của mọi vẻ đẹp và mọi giá trị của đời sống.

+ Con người trong tác phẩm văn học là con người cụ thể, sinh động và hấp dẫn.

+ Con người được miêu tả trong văn học là con người toàn vẹn với tất cả đời sống tự nhiên và xã hội.

➔ Việc miêu tả con người trong văn học không phải chỉ nằm ở việc miêu tả hành động hay chân dung, mà điều quan trọng là việc phản ánh tính cách, thân phận và những suy tư của họ.

➔ Tính nhân bản (nhân văn, nhân đạo)

- Vì sao?

LĐ 3: Chứng minh (phân tích tác phẩm để chứng minh) → Làm rõ hình tượng người bà

➔ Phân tích theo bố cục của bài nhưng ở mỗi phần thì làm rõ nội dung liên quan đến nhận định

➔ Hình tượng người bà:

- Khổ 1: bếp lửa ấp iu, chờn vờn, là mảnh kí ức tuổi thơ không bao giờ quên của cháu, nỗi nhớ của cháu dành cho bà.

- Khổ 2: (người bà không được khắc họa một cách trực tiếp) giữa nạn đói khủng khiếp, cái đói bòn rút sức sống của con người, điều mà cháu luôn nhớ đó là mùi khói bếp, “khói hun nhèm mắt cháu”, “nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”. Mùi khói bếp ấy chính là minh chứng rõ rệt nhất cho sự tảo tần, ý chí, tình cảm lớn lao bà đã hi sinh vì gia đình.

- Khổ 3: Bà là điểm tựa, tình yêu thương vô bờ cho cháu:

+ Câu chuyện bà kể giữa những ngày cô cút chỉ hai bà cháu với tiếng chim tu hú tha thiết nào nề ➔ giọng thơ tự nhiên như lời đối thoại ➔ hình thành tinh thần hiếu học, truyền thống gia đình, quê hương.

+ **Bà bảo** cháu nghe, **bà dạy** cháu làm, **bà chăm** cháu học → bà vừa là người bà yêu thương, vừa là người mẹ, người cha của cháu, che chở, dạy dỗ, bảo ban cho cháu

→ Hình tượng người bà hiện lên ngày một cụ thể hơn, ngày một xúc động hơn trong tâm tưởng của cháu, trong trí tưởng tượng, liên tưởng của bạn đọc.

- Khổ 4: Hình tượng người bà kiên cường với những sứ mệnh: người bà, người mẹ, người công dân của Tổ quốc.

- Khổ 5 + 6: Từ hình ảnh bàn tay bà nhóm bếp nhọc nhằn, bao điều thiêng liêng đã thức dậy:

“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”

→ Điệp từ “nhóm” lặp lại bốn lần làm mạch thơ tha thiết. Nó mang bốn tầng nghĩa khác nhau, bồi đắp cao dần, tỏa sáng dần vẻ đẹp kì lạ và thiêng thiêng của ngọn lửa. Hành động “nhóm” mang nghĩa tả thực gắn với hành động của bà rất cụ thể. Nhóm bếp cho cháu sưởi ấm, luộc khoai cho cháu ăn, nấu nồi xôi chia cho làng xóm... Hành động “nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ” mang ý nghĩa ẩn dụ tượng trưng bởi lửa bà nhóm không còn là lửa thực mà là ánh sáng của niềm tin, sự ấm áp hiền hậu và tình yêu bà truyền cho cháu. Từ bà, cháu hiểu được cuộc sống đói nghèo mà biết bao tình nghĩa. Cháu biết thương “tình khoai sắn ngọt bùi”, biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, biết ước mơ và nuôi hoài bão.

- Khổ 7: Bà là cội nguồn nỗi nhớ, là cầu nối nhen nhóm lên trong cháu tình yêu gia đình, quê hương, đất nước.

➔ Xuyên suốt bài thơ, hình ảnh người bà đầy ấn tượng. Bà chính là cuộc đời, bà chính là vẻ đẹp của biết bao người phụ nữ Việt Nam nhân hậu mà những trang văn đã ngợi ca. Nhà thơ, người cháu đã viết về bà, về cuộc đời với biết bao niềm trân quý.

➔ Lưu ý: Trong quá trình phân tích

- Phải luôn luôn bám sát với nhiệm vụ phân tích (nêu nội dung chính ngay từ đầu, sau khi phân tích xong thì khẳng định lại nội dung chính)

- Không được bỏ qua các biện pháp tu từ

LĐ 4: Đánh giá

- Nhận định của Nguyễn Minh Châu là đúng đắn → con người trong văn học là con người toàn vẹn, cụ thể, sinh động.

- Người cầm bút: Mỗi cây bút phải là một nhà nhân đạo trong cốt tủy để khám phá ra hiện thực đời sống với bao nỗi niềm băn khoăn, thao thức, sướng vui, đau khổ... của con người. Và người nghệ sĩ phải đắm mình vào cuộc sống, tích lũy những gì tinh túy nhất đem vào trang viết của mình.

- Bạn đọc: mỗi số phận trong văn học giúp người đọc được trải nghiệm với một cuộc đời sinh động và toàn vẹn. Đến với văn học, trong tâm thế đọc để hiểu, để thấm, người đọc có cơ hội được sống nhiều cuộc đời khác nhau.

Gợi ý viết mở bài, kết bài

MB: Người nghệ sĩ ứng xử thế nào về mối quan hệ giữa hiện thực đời sống và văn chương nghệ thuật? Nghệ thuật tiếp cận hiện thực ra sao để không bỏ quên số phận con người? Đó là những câu hỏi đặt ra cho người cầm bút. Vì lấy con người là tâm điểm khám phá của ngòi bút cho nên mỗi nhà văn phải là một nhà nhân đạo chủ nghĩa. Những trang viết của họ luôn hướng vào đời sống, trái tim của họ mang nặng tình yêu thương con người. Để khẳng định điều này, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã viết: “Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người”. Dành trọn trái tim để cảm nhận bài thơ “Bếp lửa” (Bằng Việt), chúng ta một lần nữa thấm thía hơn ý nghĩa của nhận định này.

KB:

“Thời gian như là gió

Mùa đi theo tháng năm

Tuổi theo mùa đi mãi”

(Xuân Quỳnh)

Trước thách thức của thời gian, mọi giá trị đều lu mờ phủ bụi nếu nó không tác động sâu sắc tới lí trí và trái tim con người. Văn chương không nằm ngoài quy luật khắc nghiệt ấy nhưng kì diệu thay, văn chương chân chính cũng lại đứng trong hàng ngũ của những thứ “khí giới thanh cao và đặc lực” có sức mạnh trường tồn bền bỉ cùng với đời sống của chúng ta. Để làm nên điều đó, mỗi nhà văn, nhà thơ hãy thấm nhuần tư tưởng: “Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con

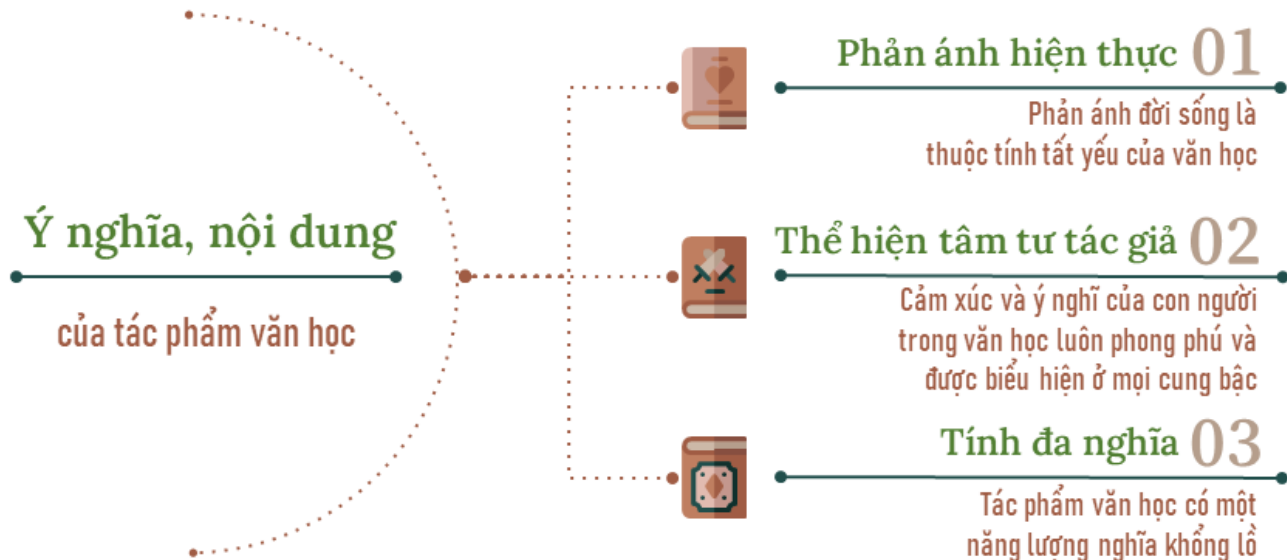
người”, hãy ngụp lặn giữa bể đời rồi viết nên trang, cũng giống như cách mà thi sĩ Bằng Việt xuất phát từ niềm biết ơn người bà tần tảo yêu thương mà viết nên bài thơ “Bếp lửa” gây xúc động lòng người. Trân trọng tất cả những lao động nghệ thuật chân chính, tâm hồn ta sẽ được tưới tắm bởi lời hay, ý đẹp và rồi mãi tỏa ngát hương thơm.



Chuyên đề lí luận văn học

đặc điểm về nội dung của tác phẩm văn học

1. Nội dung (ý nghĩa) của tác phẩm văn học



1. Tác phẩm văn học luôn phản ánh hiện thực

- **Văn học bắt nguồn từ đời sống và phản ánh đời sống.** Phản ánh đời sống là một thuộc tính tất yếu của văn học → Dù tác phẩm văn học có phong phú, đa dạng đến đâu thì bất kì tác phẩm nào – hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, ở mức độ này hay mức độ khác – đều mang trong nó hơi thở của cuộc sống, bóng dáng của thời đại và hiện thực cuộc đời mà nó được sinh ra.
- Sự phản ánh hiện thực đời sống của nhà văn thực chất là một **quá trình chắt lọc, nhào nặn, tổ chức lại những chất liệu đời sống** theo trí tưởng tượng phong phú và dựa trên một ý đồ nghệ thuật nào đó của người nghệ sĩ. Nói cách khác, sự phản ánh hiện thực trong văn học không phải sự sao chép y hệt, bê nguyên xi, không phải là mô tả một cách máy móc, thô thiển. Đó phải là sự phản ánh thông qua hư cấu nghệ thuật và bằng hư cấu nghệ thuật. Vì vậy, bức tranh đời sống được miêu tả trong tác phẩm văn học bao giờ cũng vừa thực vừa hư, vừa giống vừa không giống với hiện thực, vừa là hình ảnh phản chiếu thực tại, vừa là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú.

2. Tác phẩm văn học luôn thể hiện những tâm tư, tình cảm, trăn trở, nghĩ suy... của nhà văn

- Tác phẩm văn học luôn thể hiện, bộc lộ tâm trạng của người sáng tác trước những sự vật, hiện tượng, **trạng thái của đời sống**. Bởi văn học cũng là một loại hình nghệ thuật nên bên cạnh chức năng phản ánh hiện thực, nó còn mang chức năng bộc lộ tâm trạng của người sáng tác.
- **Cảm xúc và ý nghĩ của con người trong văn học là phong phú vô vàn và biểu hiện hầu như trên mọi cung bậc**. Đó có thể là những e ấp ngại ngùng thuở ban đầu, những thổn thức đau thương, những da diết bồi hồi hay rạo rực niềm yêu, những đớn đau căm giận... Đó còn là những tâm tư, suy nghĩ, trăn trở, cảm thông, thấu hiểu... về nhân sinh, về cuộc sống. Chính sự chiêm nghiệm và giải bày ấy đã làm nên **nội dung chủ yếu và giá trị nhân văn quý báu của thơ văn**.
- Tình cảm trong văn chương bắt nguồn từ đời sống, điều đó đòi hỏi **nhà văn phải sống thật với đời**. Trái tim người nghệ sĩ phải là trái tim đủ nhạy cảm, dễ rung động và giàu cảm thông để có thể thấu hiểu và đồng cảm với niềm vui và nỗi đau nhân thế. → Do đó, **tiếng nói trong thơ văn là tiếng nói chứa chan đồng điệu, tiếng nói sẻ chia của tâm hồn con người**. Thơ văn là điệu hồn tìm đến với điệu hồn trong cõi nhân gian.

3. Tác phẩm văn học thường đa nghĩa

- **Nội dung của một tác phẩm văn học luôn hàm chứa trong đó nhiều ý nghĩa**, bao gồm:
 - Phần khách quan của hiện thực đời sống
 - Phần chủ quan trong thế giới tư tưởng của nhà văn
- Hai phương diện ấy luôn hòa quyện, xuyên thấm vào nhau trong từng câu chữ, từng hình tượng của tác phẩm. (VD: Trong tác phẩm “Làng”, khi ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu của ông là làng Việt gian, ông quay về nhà, nghĩ về những người ở lại làng, ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên: “Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”. Tác giả Kim Lân đã miêu tả như vậy. Qua chi tiết đó, tác giả không chỉ nói lên sự tức giận, căm phẫn của ông Hai đối với những kẻ bán nước ở làng ông mà còn thể hiện sự thấu hiểu sâu sắc, nỗi trăn trở về tình làng, tình nước trong tư tưởng của người nông dân.)
- Nội dung của tác phẩm văn học còn đặc trưng ở **tính cất “mở”**. Do ngôn từ văn học xây dựng lên các hình tượng. Hình tượng trong văn học đặc trưng bởi tính đa nghĩa nên nội dung của tác phẩm không thể nói được hết, bao quát được hết trong một lần cắt nghĩa. Mỗi một lần cắt nghĩa, tác phẩm có thể lại bộc lộ thêm một nét nghĩa mới. Cứ như thế, nội dung của tác phẩm hầu như mở ra khôn cùng trong sự cảm thụ, tiếp nhận của bạn đọc ở nhiều thế hệ, nhiều thời đại khác nhau. Đó chính là **“năng lượng nghĩa khổng lồ”** của tác phẩm văn học.

➔ Tính đa nghĩa của tác phẩm văn học và đặc tính “mở” của nội dung nghệ thuật góp phần tạo nên sức sống, sức hấp dẫn của tác phẩm trong quá trình tiếp nhận; đồng thời cho phép phát huy cao độ khả năng sáng tạo của người đọc trước tác phẩm của mỗi nhà văn.

- Ý nghĩa, tác động của đặc tính “mở” trong văn học:
 - Đối với người nghệ sĩ: Những nhà văn xuất sắc thường nhìn thấy và phản ánh trong tác phẩm của họ những hiện tượng đời sống tinh tế hay những vấn đề lớn lao, mang ý nghĩa phổ quát của đời sống, đồng thời bộc lộ quan niệm và những cảm xúc mới mẻ đối với đời sống theo cái nhìn tiến bộ của họ.
 - Đối với bạn đọc: Khi đọc một tác phẩm văn chương, độc giả không chỉ dừng lại ở việc phát hiện sự thật đời sống trong tác phẩm, mà còn phải khám phá cái nhìn, thái độ, cách đánh giá và cảm hứng của nhà văn ra sao đối với cuộc đời.

4. Những nhận định về nội dung, ý nghĩa của tác phẩm văn học

a. Nhận định về quá trình phản ánh hiện thực đời sống trong văn học

- “*Thơ, trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật.*” (Belinsky)
- “*Văn học là tấm gương phản ánh hiện thực.*” (Stendhal)
- “*Nhà văn là thư kí trung thành của thời đại, tác phẩm của anh là tấm gương xê dịch trên quãng đường đời.*” (Balzac)
- “*Tác phẩm văn học là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp.*” (Sóng Hồng)
- “*Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn.*” (Thạch Lam)
- “*Sống đã, rồi hãy viết.*” (Nam Cao)
- “*Cuộc đời là điểm khởi đầu và là điểm đi tới của văn chương.*” (Tố Hữu)
- “*Hình tượng nghệ thuật không phải chỉ mang bóng dáng của hình ảnh đời sống mà còn chứa đựng cả quan niệm của nhà văn về nó.*” (Lê Ngọc Trà)
- “*Hãy bắt đầu từ cuộc sống, và từ đó sẽ nảy ra thơ.*” (Nguyễn Văn Thạc)
- “*Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời.*” (Tô Hoài)

b. Nhận định về quá trình bộc lộ cảm xúc, tâm tư người nghệ sĩ trong tác phẩm văn học

- “*Văn học không làm – hay không phải chỉ làm công việc của một tấm gương.*” (André Gide)
- “*Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.*” (Anatole France)

- “Tác phẩm nghệ thuật đạt tới cái đẹp theo nghĩa: mang được sự thật sâu xa của đời sống bên ngoài, đồng thời mang được sự thật tâm tình của con người.” (Lê Đình Kỵ)
- “Những trang giấy ố vàng không chấp nhận cái thế giới im lặng tưởng như vĩnh cửu nên đã mở lòng ra với cuộc đời rộng lớn chung quanh. Và những trang sách của những tâm sự riêng tư đã vượt khỏi câu chuyện của một người để trở thành câu chuyện của muôn người.” (Huỳnh Như Phương)

c. Nhận định về tính đa nghĩa của tác phẩm văn học

- “Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dùng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc.” (Nguyễn Đình Thi)
- “Tác phẩm văn học chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện.” (Aimatov)

II. Bài tập thực chiến

Đề bài: Trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn Thành Long), nhân vật người họa sĩ nghĩ rằng: “Ông biết rõ sự bất lực của nghệ thuật (...) trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời”.

Em có đồng ý với suy nghĩ trên không? Bằng những hiểu biết về mối quan hệ giữa nghệ thuật (nói chung) và văn học (nói riêng) với hiện thực cuộc sống, em hãy viết bài văn đối thoại với nhân vật người họa sĩ.

Hướng dẫn

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận

2. Thân bài

a. Luận điểm 1: Giải thích

- Hiện thực đời sống thì rộng lớn, đa dạng và không ngừng vận động, biến đổi. Không một ai có thể nắm bắt được toàn vẹn đời sống trong trạng thái muôn màu và trong dòng chảy bất tận của nó. Do vậy, người nghệ sĩ – đầy tâm huyết và trách nhiệm với đời – thường xuyên cảm nhận được sự bất lực của mình cũng như ý thức được giới hạn của nghệ thuật trong việc phản ánh “cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời”.
- Tuy vậy, với tư cách là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, nghệ thuật có cách riêng của mình để phản ánh hiện thực. Người nghệ sĩ biết cách làm đặc sắc hóa hiện thực cuộc sống. Anh ta luôn tái

tạo nó một cách sáng tạo, chặt chẽ, nhào nặn và khái quát hiện thực theo cái nhìn và dụng ý nghệ thuật của riêng mình. Bằng cách đó, người nghệ sĩ có thể phản ánh được những hiện tượng, những khía cạnh điển hình nhất của hiện thực, cũng như những xu hướng bản chất nhất của cuộc sống xã hội, của con người.

→ Có thể nói, mặc dù có những giới hạn nhất định, nhưng nghệ thuật cũng mang trong mình một sức mạnh to lớn trong việc phản ánh đời sống một cách độc đáo, sinh động và hiệu quả.

b. Luận điểm 2: Bàn luận

- Ý kiến của người họa sĩ khi nói về giới hạn của nghệ thuật là đúng. Vì nhiệm vụ của nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng là phản ánh hiện thực đời sống. Thực chất của việc phản ánh hiện thực chính là phản ánh cách nghĩ của nhà văn về hiện thực. Mà cuộc sống thì luôn biến đổi không ngừng, “sự thật hôm nay không thật đến ngày mai” (Xuân Diệu), mọi biểu hiện của cuộc sống luôn vô cùng đa dạng, khó thể nắm bắt. Do đó nghệ thuật chẳng thể dễ dàng thể hiện hết mọi góc, mọi mảng, mọi màu mọi vẻ của đời sống.
- Tuy nhiên với tài năng sáng tạo nghệ thuật và tâm huyết đối với cuộc đời, các nhà nghệ sĩ vẫn không ngừng lao động để sáng tạo nên những tác phẩm vừa miêu tả sâu sắc hiện thực, vừa thể hiện rõ nét tư tưởng, tình cảm của người sáng tác. Cần thấy rằng nghệ thuật tuy không tái hiện được tất cả những thứ hiện diện trong đời sống nhưng nghệ thuật vẫn khắc họa được bản chất của cuộc đời với những nét cốt lõi, đáng chú ý nhất.
- Thậm chí, với những nghệ sĩ lớn, bằng tài năng nghệ thuật xuất sắc cùng với tầm vóc tư tưởng lớn lao, họ không những phản ánh được bản chất của thời đại mình mà còn phản ánh được những vấn đề mang ý nghĩa phổ quát toàn nhân loại, đồng thời có thể dự cảm được xu hướng vận động của đời sống trong tương lai.

c. Luận điểm 3: Chứng minh

- Cần thấy được nghệ thuật (nói chung) và văn học (nói riêng) đã giúp ta thấy được hiện thực xã hội lẫn hiện thực tâm trạng của con người. Ví dụ: “Truyện Kiều” (Nguyễn Du) cho thấy bức tranh hiện thực thối nát của xã hội phong kiến; hay bên cạnh nỗi xót xa trước bi kịch của người phụ nữ là cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, tài hoa, trí tuệ của nàng Kiều. Trong “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn Thành Long) nhà văn đã phác họa nên bức tranh của cuộc sống với không khí hăng say xây dựng đất nước đồng thời ngợi ca những tình cảm đẹp của con người với con người, của con người với quê hương.

d. Luận điểm 4: Đánh giá nhận xét

- Nhận định của nhân vật người họa sĩ cho thấy ý thức về những giới hạn của nghệ thuật trong việc phản ánh cuộc đời. Điều đó khiến cho mỗi nghệ sĩ phải không ngừng cố gắng rèn ngòi bút, luyện tài năng để rút ngắn những giới hạn ấy.
- Nghệ thuật phản ánh cuộc sống chứ không phải chạy theo cuộc sống. Người nghệ sĩ phải tìm ra những yếu tố mới lạ chìm khuất dưới bề mặt đời sống chứ không sao chụp một cách hời hợt, biếng lười.

Lưu ý: Chấp nhận các ý hiểu hợp lí khác

3. Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận

Bài làm

Văn học là tấm gương để người nghệ sĩ phản ánh cuộc sống. Đời sống thực tế chính là chất liệu hiện thực, là gốc rễ để thơ văn bắt nguồn và phát triển. Nhưng hiện thực trong văn chương phải là hiện thực đã được nung nấu qua những trải nghiệm sâu sắc, những tình cảm thiết tha của người cầm bút. Đời sống thì bao la rộng lớn, chính vì lẽ đó, những người nghệ sĩ đầy tâm huyết và trách nhiệm với cuộc đời thường xuyên cảm nhận được sự bất lực của mình khi không thể hoàn toàn nắm bắt được trọn vẹn thực tại trên dòng chảy bất tận của thời gian. Cũng vì thế mà Nguyễn Thành Long đã gửi gắm nỗi lòng của mình qua nhân vật người họa sĩ trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” với những dòng tâm sự: “Ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời”.

Đối mặt với “cuộc hành trình vĩ đại” rộng lớn và muôn màu, luôn đa dạng và không ngừng biến đổi; ý thức được những giới hạn nhất định của nghệ thuật trong việc phản ánh cuộc sống, “sự bất lực” của người nghệ sĩ là điều dễ hiểu. Mục đích quan trọng bậc nhất của văn học nghệ thuật là phản ánh nhận thức, khám phá hiện thực đời sống theo quy luật của cái đẹp, nhằm thỏa mãn cho con người những tình cảm thẩm mỹ vô cùng phong phú, đa dạng. Thế nhưng, văn học không tái hiện lại cuộc sống theo cách sao chép hời hợt, nông cạn. Nhà văn không tái hiện thực tế vào trang viết một cách thụ động, giản đơn. Mà hơn thế, tất cả những gì bước vào văn học đều phải trải qua biết bao dằn vặt, đau đớn, trăn trở, hi vọng, những tình cảm mãnh liệt của tác giả. Mỗi lần cầm bút là mỗi lần nhà văn đối diện với lòng mình, phải trút lên trang giấy tất cả những “giọt mật tinh túy nhất” trong tâm hồn, biến hạt bụi biến thành “hạt ngọc tròn trặn ánh ngời” (Nguyễn Tuân). Nhân vật trong tác phẩm của một nhà văn thực thụ vì thế mà nhiều khi còn “thật” hơn cả con người ngoài đời với sức sống lâu bền và ý nghĩa điển hình của nó. Qua ngòi bút viết nên nhân vật, ta cảm nhận được cả một tầng lớp, một thế hệ

và một thời đại cùng song hành với nó. Như thế, để có thể viết nên những trang văn in dấu với thời gian, tác giả phải biết tìm tòi và sáng tạo, phải làm đặc sắc hóa hiện thực đời sống. Cái hiện thực quá quen thuộc với người đời ấy phải được anh đo đạc cho nó một tấm áo mới, phải trải qua quá trình chắt lọc, nhào nặn theo cái nhìn và dụng ý nghệ thuật của người sáng tác. Bằng cách đó, người nghệ sĩ có thể phản ánh được những hiện tượng, những khía cạnh điển hình nhất của hiện thực, cũng như xu hướng bản chất nhất của cuộc sống xã hội và của con người. Có thể nói rằng, mặc dù mang tring mình những giới hạn nhất định, nhưng với tư cách là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, văn học nghệ thuật vẫn có cách riêng để phản ánh đời sống một cách độc đáo, sinh động và hiệu quả.

Nhiệm vụ của nghệ thuật nói chung và của văn học nói riêng luôn là phản ánh hiện thực đời sống khách quan qua cái nhìn chủ quan của người nghệ sĩ. Tác giả không chỉ thuật lại, tả lại những sự kiện và con người mà còn thông qua những cảm nhận, sự thâm nhập, suy đoán, bình luận, phê phán, khẳng định. Những điều ấy tạo thành tính khái quát độc đáo của văn học, hé mở cánh cửa cho người đọc đi vào bản chất thật sự của con người và cuộc đời được phản ánh trong tác phẩm. Cả Chí Phèo, anh Pha lẫn chị Dậu đều chỉ là những đại diện cho tầng lớp nông dân bình dị trong đời sống thực tế. Thế nhưng, qua ngòi bút với những nét rất riêng của Nam Cao, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố, hình ảnh của ba nhân vật hiện lên với số phận, tính cách và cuộc đời không hề trùng lặp. Vì thế, thực chất của phản ánh hiện thực chính là phản ánh cách nghĩ của nhà văn về hiện thực. Cuộc sống và con người được miêu tả trong văn chương vừa giống như cái đã có, hiện có, lại vừa là cái có thể có và cần phải có. Từ đó, người nghệ sĩ khơi dậy trong ta những tình cảm thẩm mỹ vô cùng phong phú, đa dạng. Nhưng mặt khác, thực tế cuộc sống luôn không ngừng đổi thay và biến chuyển, “Sự thật hôm nay không thật đến ngày mai” (Xuân Diệu), tất cả những biểu hiện của đời sống rất khó để có thể nắm bắt được trọn vẹn. Do đó, chẳng riêng gì chúng ta, những nhà văn đôi khi vẫn chẳng thể tái hiện mọi góc khuất của hiện thực và nghệ thuật cũng chẳng thể dễ dàng thể hiện hết mọi màu, mọi vẻ của cuộc đời.

Lần giở lại lịch sử của nền văn học nước nhà, không khó để ta tìm thấy những tác phẩm thấm nhuần giá trị hiện thực bên trong mỗi trang viết. Bạn đọc còn nhớ “Chuyện người con gái Nam Xương” (trích trong “Truyền kì mạn lục”) của Nguyễn Dữ mà ở đó, bản chất của xã hội phong kiến đã hiện nguyên hình. Ảnh “thiên cổ kì bút” viết về câu chuyện của người con gái Vũ Thị Thiết – “người con gái Nam Xương, tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp”, luôn “giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”. Đẹp người đẹp nết là thế, tưởng rằng nàng sẽ có một cuộc đời hạnh phúc, yên ả. Nhưng trái lại, số phận nàng bị vùi dập bởi những tăm tối của xã hội ngày xưa. Mong ước hết sức bình thường của một người vợ, một người phụ nữ khao khát cuộc sống gia đình ấm êm

đã bị chiến tranh phi nghĩa cướp đi mất. Nỗi khắc khoải nhớ nhung, nỗi xót xa khi thấy đứa con vẫn còn nhỏ mà không có cha ngày ngày ở bên cạnh, nàng mới bảo với con, rằng chiếc bóng trên tường chính là cha. Thật trớ trêu, cái bóng vô hồn ấy lại là nguyên nhân dẫn đến nỗi đau khổ, oan khuất của cuộc đời nàng. Từng lời phân trần khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng cùng lời cầu xin tha thiết của Vũ Nương vẫn không khiến cho Trương Sinh – người đàn ông mang nặng tư tưởng phong kiến ấy mảy may lay động. Mọi cố gắng của Vũ Nương đều trở thành vô ích. Không thể giải được nỗi oan khuất, nàng đau khổ tuyệt vọng tìm đến cái chết để bày tỏ tấm lòng trong trắng, mượn nước sông để rửa sạch tiếng nhơ oan ức. Lời than thảm đẫm nước mắt nơi bến Hoàng Giang như thốt lên tất cả những đau khổ cho một kiếp người không có quyền bảo vệ chính mình, cho một đời người phụ nữ phải chịu biết bao ủy khuất bởi những lễ giáo hà khắc: “Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mĩ Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”. Hành động tự trầm mình của nàng là một hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự. Nguyễn Dữ đã rất dũng cảm khi sáng tạo câu chuyện, không để Vũ Nương phải chết, hơn nữa nàng còn được giải oan. Thế nhưng Nguyễn Dữ cũng không thể đem lại cho Vũ Nương niềm hạnh phúc trọn vẹn khi rút cục nàng cũng không được đoàn tụ với chồng con. Phải chăng đây chính là sự bất lực của nghệ thuật?

Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải cũng là một tiếng nói, một thanh âm trong trẻo giữa cuộc đời bao la. Tác phẩm được sáng tác vào mùa đông năm 1980, khi Thanh Hải đang nằm trên giường bệnh. Trong những giây phút cuối cùng của cuộc đời mình, niềm mong mỏi phục vụ cho Tổ quốc vẫn chiến thắng bệnh tật mà rực cháy mãnh liệt trong trái tim ông:

“Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc”

Không chỉ là “con chim hót”, không chỉ là “một cành hoa”, cũng không chỉ là “một nốt trầm xao xuyến” trong bản hòa ca chung của hàng vạn con người, đến đây, Thanh Hải muốn hóa thân trọn vẹn vào mùa xuân của dân tộc. Ông chỉ khiêm tốn nhận mình chỉ là một mùa xuân “nho nhỏ”, “lặng lẽ dâng cho đời” những đóng góp nhỏ bé, thầm lặng. “Một mùa xuân nho nhỏ” để làm nên mùa xuân bất diệt của đất

nước. Sống hết mình, sống thủy chung cho đất nước, đem cả cuộc đời mình phục vụ cho quê hương, dù là “tuổi hai mươi” trai tráng hay tuổi già “tóc bạc”. Thơ hay là ở cảm xúc chân thành. Thanh Hải đã nói lên những lời gan ruột của chính mình. Dân cho đời là lẽ sống đẹp cao cả. Bởi lẽ “sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình” (Tố Hữu). Chỉ “lặng lẽ” mà cháy bỏng một nỗi khát khao được dâng trọn những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời mình cho đất nước. Đây chẳng phải là lời tâm niệm của riêng một Thanh Hải đã từng trải qua hai cuộc chiến tranh cống hiến trọn vẹn cuộc đời và sự nghiệp của mình cho cách mạng, mà còn là chí hướng chung của hàng trăm hàng vạn tầng lớp người dân lúc ấy.

Suy nghĩ của ông họa sĩ chắc hẳn sẽ được thể hiện nổi bật trong truyện “Lặng lẽ Sa Pa”. Ông là người có lòng yêu cái đẹp, yêu cuộc sống: Ông yêu mẩn vẻ đẹp tâm hồn anh thanh niên (vừa nói chuyện, tay vừa bắt giắc hí hoáy vào cuốn sổ tì lên đầu gối), trân trọng cuộc trò chuyện với anh thanh niên (bắt gặp một con người như anh ta quả là một cơ hội hân hữu cho sáng tác). Ông còn là một người nghệ sĩ chân chính, luôn trăn trở về hành trình sáng tạo: ông đặt ra những câu hỏi bản khoăn, khắc khoải về chất liệu nghệ thuật (phác họa như ông làm hay vẽ dầu), đối tượng nghệ thuật (cho người xem hiểu được anh ta). Và suy nghĩ của ông về sự bất lực của nghệ thuật, thực chất là một yêu cầu về sự sáng tạo. Và bản thân ông là người không ngừng sáng tạo. Ông nhận ra sự bất lực của nghệ thuật, nhưng ông thật bản lĩnh, chấp nhận thử thách để tiếp tục đi tìm những vẻ đẹp mới của tác phẩm.

Nói tóm lại, ý kiến của nhân vật người họa sĩ trong tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” rất đáng để mỗi nhà văn, nhà thơ tâm niệm và xem đó như là một kim chỉ nam cho cuộc đời sáng tác của chính mình. Ý thức được những giới hạn của nghệ thuật trong việc phản ánh “hành trình vĩ đại là cuộc đời”, điều đó khiến cho mỗi nghệ sĩ đều phải không ngừng cố gắng rèn luyện ngòi bút, luyện tài năng để rút ngắn những giới hạn ấy. Nghệ thuật phản ánh cuộc sống nhưng nghệ thuật không chạy theo cuộc sống hay sao chép nó một cách hời hợt. Người nghệ sĩ phải tìm ra những yếu tố mới lạ chìm khuất dưới bề mặt cuộc đời, phải sáng tạo, phải “phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật”, từ đó mới có thể mang đến cho người đọc một tác phẩm có giá trị “một bài học trông nhìn và thưởng thức” (Thạch Lam).

Trần Ngọc Khánh Uyên

(Trường THCS Lê Anh Xuân – quận Tân Phú – TP. Hồ Chí Minh)

Chuyên đề lí luận văn học

Đặc điểm về cá tính sáng tạo của nhà văn

I. Cá tính sáng tạo của nhà văn



1. Khái niệm

- Cá tính sáng tạo là nét riêng, nét độc đáo của nhà văn trong quá trình sáng tác (phong cách sáng tác).
 - Vì sao nhà văn cần có cá tính sáng tạo trong quá trình sáng tác:
 - + Nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng luôn tối kị sự lặp lại, cũ kĩ, sáo mòn. Chính sự lặp lại, cũ kĩ, sáo mòn sẽ mang lại cái chết cho nghệ thuật. Nghệ thuật luôn đòi hỏi sự sáng tạo. → Yêu cầu tất yếu của văn chương
 - + Văn học phản ánh đời sống theo ý thức chủ quan của tác giả. Sự sáng tạo trong văn học không chỉ đòi hỏi tác phẩm phải phản ánh những khía cạnh mới mẻ của đời sống mà còn đòi hỏi nhà văn phải đóng góp một diện mạo riêng, một bản sắc riêng, một dấu ấn, phong cách riêng. Nhà văn phải là một cá tính sáng tạo. → Tính chất, bản chất của văn chương
- Cá tính sáng tạo của nhà văn vừa là một yêu cầu tất yếu vừa là một tính chất quan trọng của văn học nghệ thuật.

(Từ khóa thay thế: cá tính sáng tạo, phong cách sáng tác, giọng điệu riêng, chất giọng riêng, tiếng nói riêng, diện mạo, bản sắc, dấu ấn, chất thơ, giọng văn...)

2. Biểu hiện, đặc điểm

- (Cá tính sáng tạo của nhà văn trước tiên bộc lộ ở) **Cái nhìn nghệ thuật** của nhà văn về cuộc đời và con người (Góc nhìn, xuất phát điểm của tư tưởng nhà văn). Một cái nhìn độc đáo sẽ bộc lộ cho một quan niệm nghệ thuật khác biệt, làm nên cá tính sáng tạo của nhà văn.
- Cá tính sáng tạo được thể hiện rõ qua **nội dung, chủ đề** của tác phẩm mà nhà văn sáng tác.
- **Hình thức nghệ thuật** của tác phẩm văn học cũng là một phương diện biểu hiện cho phong cách sáng tác của tác giả (giọng điệu, cách sử dụng từ ngữ, vận dụng thể thơ...)

→ Cần linh hoạt áp dụng 3 khía cạnh này trong quá trình phân tích 1 tác phẩm để thấy được phong cách sáng tác của tác giả. Vì 3 khía cạnh này đều thống nhất và gắn bó mật thiết với nhau khi tạo nên ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

- Bản sắc và dấu ấn sáng tạo của nhà văn không phải là sự lập dị, đi ngược với những quy luật trong sáng tạo nghệ thuật, không phải là cái mới lạ phản văn hóa, phản nhân văn. Sự sáng tạo, phong cách riêng của nhà văn phải đem đến những giá trị thẩm mỹ đóng góp vào sự vận động và phát triển tích cực của văn học.

3. Vai trò, ý nghĩa

- Đối với văn học nghệ thuật nói chung: phong cách sáng tác của mỗi nhà văn góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho nền văn học (hình ảnh khu vườn văn học đầy hương sắc, mỗi nhà văn có cá tính sáng tác sẽ là một hương sắc riêng, một màu sắc riêng).
- Đối với người nghệ sĩ: các tính sáng tạo giúp khẳng định cái tôi cá nhân tài hoa, sáng tạo, độc đáo, ghi lại dấu ấn trong lòng bạn đọc.
- Đối với bạn đọc: được bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ, rộng mở tâm hồn, có thêm trải nghiệm, dễ dàng hơn trong quá trình tìm kiếm những tâm hồn đồng điệu trong thơ văn.

4. Nhận định về cá tính sáng tạo của nhà văn trong quá trình sáng tác

- “Khi một nhà văn mới xuất hiện, chúng ta bao giờ cũng tự hỏi: Anh ấy là người như thế nào? Liệu anh ta có mang lại điều gì mới trong cách nhìn đời cho chúng ta?” (Lev Tolstoi)
- “Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và khám phá mới về nội dung.” (Lê-ô-nít Lê-ô-nốp)
- “Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình.” (Ivan Tuốc-ghe-nép)
- “Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả... Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ.” (Sê-khốp)
- “Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ.” (Raxun Gamzatốp)
- “Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này, nhưng thế giới này trong con mắt nhà văn phải có hình sắc riêng.” (Hoài Thanh)
- “Thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo càng hay.” (Xuân Diệu)
- “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những gì chưa có.” (Nam Cao)

II. Bài tập luyện viết

Đề bài:

“Đừng làm những câu thơ khuôn hình theo văn phạm

Như những cây quá thẳng, chim không về”

(Chế Lan Viên, “Sổ tay thơ”)

Em hiểu như thế nào về ý thơ trên? Hãy phân tích hai bài thơ để làm rõ ý thơ này.

Hướng dẫn

a. Luận điểm 1: Giải thích

Hai câu thơ của Chế Lan Viên hàm chứa lời khuyên, thực chất là một quan niệm mới mẻ trong sáng tạo thơ ca: thơ phải vượt thoát ra khỏi “văn phạm” chính là những khuôn mẫu, quy cách... về hình thức. Có như thế, thơ mới đạt được hiệu quả như mong đợi. Nếu không có sự sáng tạo thì thơ ca chẳng khác nào như “cây quá thẳng, chim không về”.

b. Luận điểm 2: Bàn luận

- Mục đích của sáng tác thơ ca nói riêng, sáng tác văn chương nói chung chính là gửi đến người đọc “thông điệp” ẩn chứa tư tưởng, tình cảm của người sáng tác.
- Tuy nhiên, để đưa được “thông điệp” ấy đến người đọc, nhà thơ phải không ngừng tìm tòi, sáng tạo những hình thức phù hợp. Sự vượt thoát khỏi những khuôn mẫu, những chuẩn mực trong thơ chính là tạo ra sự khác biệt, sáng tạo những yếu tố hình thức như thể thơ, ngôn từ, hình ảnh, vần nhịp... nhằm tạo ra hiệu quả đặc biệt.

c. Luận điểm 3: Chứng minh

Học sinh có thể triển khai theo hai cách (theo từng tác phẩm hoặc theo các phương diện: sự sáng tạo trong thể thơ, ngôn từ, hình ảnh, vần nhịp...). Trong quá trình phân tích, học sinh có thể so sánh, liên hệ với các tác phẩm khác, tuy nhiên cần tránh sự liệt kê đơn giản các yếu tố hình thức. Sau đây là một số gợi ý định hướng:

- VD 1 - Bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu): Tập trung vào việc làm bật lên hiệu quả của hình thức thơ tự do cùng cách nói, hình ảnh mộc mạc, tự nhiên; cấu trúc câu thơ đặc biệt... phù hợp với tâm tình những người lính vốn xuất thân từ nông dân, thể hiện được tình đồng chí mới mẻ, cao đẹp...
- VD 2 – Bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật): Cần khai thác các yếu tố chính: câu thơ có giọng điệu khỏe khoắn, tự nhiên như lời nói hàng ngày pha chút ngang tàng tinh nghịch; hình ảnh những chiếc xe không kính được sử dụng sáng tạo... phù hợp với điệu tâm hồn những người lính lái xe thời chống Mỹ vừa dũng cảm hiên ngang vừa trẻ trung sôi nổi...
- VD 3 – Bài thơ “Con cò” (Chế Lan Viên): Thể thơ tự do kết hợp với hình thức điệp từ, điệp ngữ khiến bài thơ mang âm điệu của lời ru tha thiết; cách ngắt nhịp linh hoạt diễn đạt nhiều

cung bậc cảm xúc, toát lên màu sắc suy tưởng triết lí; đặc biệt hình ảnh con cò vừa quen thuộc vừa mới mẻ được dùng như một biểu tượng cho tình mẹ...

- VD 3 – Bài thơ “Nói với con” (Y Phương): Thể thơ tự do cùng cách nói giàu hình ảnh, giọng điệu mộc mạc, ngôn ngữ tự nhiên mang đặc trưng của người miền núi; giọng thơ có tính chất tâm tình trò chuyện thể hiện tình cha con trù mến, thân thương...

d. Luận điểm 4: Đánh giá

- Quan niệm của Chế Lan Viên thể hiện trong hai câu thơ trên là rất xác đáng. Đó cũng chính là yêu cầu cần thiết đặt ra trong sáng tạo thơ ca. Các tác phẩm thơ đặc sắc chính là minh chứng sinh động nhất cho quan niệm trên.
- Tuy nhiên, đối với thơ, công nhận sự sáng tạo, sự vượt thoát khỏi những khuôn mẫu không có nghĩa là chối bỏ những tác phẩm thơ ca được sáng tác theo những chuẩn mực niêm luật của các thể thơ cổ điển, truyền thống (ví dụ như thơ ca thời trung đại). Điều quan trọng là sự sáng tạo về hình thức luôn phải đi đôi với sự phù hợp về nội dung.

Bài làm

Nếu nghệ thuật là sáng tạo, thì sáng tạo thơ ca chính là một hoạt động đặc thù, một yêu cầu thiết yếu đối với người cầm bút. Là một thi sĩ giàu kinh nghiệm, Chế Lan Viên đã làm cho mình một “Sổ tay thơ” để ghi lại những công thức riêng của mình và ông đã gửi gắm tới những người làm thơ nói chung:

“Đừng làm những câu thơ khuôn mình theo văn phạm

Như những cây quá thẳng, chim không về”

Trong ý thơ của Chế Lan Viên, “văn phạm” đối với ông là những khuôn khổ có sẵn và ông không thích những quy cách ấy xuất hiện trong những tác phẩm của mình. Ông luôn để ý tới cách để vượt khỏi rào cản nhàm chán. Đặc biệt trong những trường hợp các tác giả đồng nhất quan điểm, hướng tới một vấn đề, tình cảm nào đó, ta không thể áp dụng những phương pháp, nền tảng giống nhau, mỗi người có một tài hoa riêng của mình, thì sự ép buộc trong cách sử dụng từ ngữ lại là một rào cản lớn đối với một nhân tài. Ý thơ “cây quá thẳng, chim không về” cho thấy, sự lặp đi lặp lại đơn điệu sẽ làm cho tác phẩm trở nên nhàm chán. Do đó “cây” thơ phải được uốn cong theo nhiều hình dạng, đón nhận những tia nắng khác nhau. Muốn thơ ca có hiệu quả tối đa thì phải nhờ đến người sáng tạo có tài và hiểu biết đúng đắn.

Thơ ca biểu lộ cảm xúc trực tiếp của người viết, nên luôn cần có những điểm nhấn nhất định, dứt khoát trong câu chữ. Như có ý kiến cho rằng: “Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ”. Cầm nang cho một tác phẩm thành công trước hết phải được thể hiện được tấm chân tình của người viết, trong bất kì tình cảm nào và khả năng đánh thức tiềm năng của ngôn ngữ qua cách sử dụng một từ, một câu, thậm chí là xuyên suốt cả bài thơ. Phải nắm chắc trong tay mình một khái niệm tự do trong ngòi bút, mạnh mẽ trong lập trường riêng, một bài thơ hay chỉ khi chạm đến được một chuẩn mực nhất định riêng của nó. Thơ tình không hay nếu chỉ là vài dòng nói suông, thể thơ dựa trên quy luật khắt khe, những hình ảnh tuy đẹp mà không thể hiện rõ ràng trong mắt người đọc, quá mức cẩn trọng trong việc sử dụng từ ngữ hoa mỹ mà gài dối. Thơ để ca ngợi chỉ để liệt kê, đánh rơi những tình cảm mà trở nên khô khan, nhàm chán, tác phẩm rất dễ đi vào quên lãng.

Có nhiều tác phẩm thơ ca có thể minh chứng cho quan điểm của Chế Lan Viên. Ta nhớ đến thi phẩm “Con cò” của Chế Lan Viên và “Đồng chí” của Chính Hữu. Lắng lòng để lời thơ như lời ru âm vang trong tâm trí, ta đến với những dòng thơ da diết, ngọt ngào của tác phẩm “Con cò”. Tình mẫu tử - một trong những tình cảm cao quý và thiêng liêng nhất của con người – không còn là chủ đề xa lạ trong thơ ca. Bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên được thể hiện qua hình thức lời ru con của người mẹ, lời ru chứa đựng bao tình cảm, ước mơ và sự gắn bó ruột thịt mà chỉ tình mẫu tử mới làm được. Bài thơ thấm đẫm hương vị dân gian với hình tượng con cò rất quen thuộc trong những câu ca dao:

“Con cò bay lả

Con cò bay la

Con cò Cổng Phủ

Con cò Đồng Đăng ...”

Con cò trong dân gian được ví là những người phụ nữ thấp cổ bé họng trong xã hội xưa, hoặc là những người nông dân chân lấm tay bùn, và người mẹ trong bài thơ đã đưa con đến với hương vị của quê hương mình thuở còn trong nôi. Đây là một điều rất mới trong việc khai thác tình mẫu tử khi kết hợp hình ảnh con cò với tình mẹ, đầy ngọt ngào, sâu sắc. Ngoài ra với thể thơ tự do thường thấy, nhà thơ đã thêm thắt những điệp ngữ tạo nên những âm hưởng dịu dàng, đung đưa, làm nên âm hưởng trong câu chữ, thể hiện rất chân thật từng nét chữ, ý tứ trong mỗi câu thơ, tạo một

cảm giác gần gũi khác thường với những hương vị từ nguồn cội, hình tượng con cò đẹp dễ và thân thiết hơn với độc giả nước nhà. Đồng thời, bài thơ còn thể hiện những suy nghĩ triết lý rất sâu sắc trong đạo lý nhân sinh về tình mẫu tử:

“Dù ở gần con

Dù ở xa con

Cò sẽ tìm con

Cò mãi yêu con

Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con”

Cách ngắt nhịp giữa các dòng, các câu còn tạo nên những cung bậc cảm xúc lúc trầm lúc bổng tạo nên những cảm giác chân thật cho người đọc qua những câu hát ru, đem lại cảm giác đầm ấm, đồng thời dâng lên những tâm tình đồng cảm giữa tác giả và độc giả.

Nếu bài thơ “Con cò” mang đến sự ấm áp của tình mẹ trong những lời ru chứa đựng bao giá trị nhân văn, thì “Đồng chí” của Chính Hữu lại đem đến một loại tình cảm đặc biệt trong hoàn cảnh chiến tranh: tình đồng chí. Nhà thơ đã chứng minh cho ta thấy tình thương con người luôn luôn xuất hiện trong bất kì hoàn cảnh nào, dù là ai đi chăng nữa. Bản thân cũng là một người lính lên đường đi chiến đấu, ông đã nhìn ra một tình bằng hữu giữa những người cùng chung chí hướng, thân thiết gọi nhau một tiếng: “Đồng chí!”. Đó là những người xuất thân nghèo khó, tuy đến từ những vùng đất khác nhau nhưng lại gắn bó với nhau qua cây súng gối đầu mỗi đêm, không ngại ngần chia sẻ với nhau từng tấm áo rách, từng đêm giá buốt lạnh chân và họ cùng đi chiến đấu dưới ánh trăng. Qua nội dung của bài thơ, ta nhận được một sự đồng cảm, một nỗi xúc động khi hiểu được sự gắn bó sâu sắc của những người lính. Và để cho bài thơ đạt dào tính thơ, người thi sĩ cũng không quên thêm thắt những yếu tố nghệ thuật rất tinh tế và phù hợp với cấu trúc sóng đôi giữa các câu các từ như:

“Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Hay là với những câu điệp tạo nên giai điệu tha thiết làm điểm nhấn cho bài thơ: “Súng bên súng, đầu sát bên đầu” làm cho sự liên kết trở nên chặt chẽ hơn với thể thơ tự do. Bài thơ trở nên nhẹ nhàng và lắng đọng với cách sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, thân thuộc phù hợp với nguồn gốc của những người lính nông dân, cũng như vận dụng những câu tục ngữ dân gian để làm nổi bật hơn những tình cảm, hoàn cảnh để thêm phần xúc động. Hình ảnh trong bài cũng rất độc đáo và mang nhiều sức gợi hình, gợi cảm như dòng cuối của bài: “Đầu súng trăng treo”. Có thể nói “Đồng chí” là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất được viết với chủ đề người lính thời kì kháng chiến chống Pháp. Bài thơ đã làm nên tên tuổi của Chính Hữu và khẳng định phong cách thơ nổi bật của ông.

Qua hai tác phẩm thơ đặc sắc, ta có thể khẳng định được sự hợp lí trong quan điểm của Chế Lan Viên – một người có cái nhìn xa và sâu, đồng thời khẳng định được tầm quan trọng của sự sáng tạo trong thơ. Ngoài đề cao giá trị nghệ thuật, ta cần phải khai thác sâu hơn nội dung của tác phẩm. Làm thơ phải dựa trên nhiều tiêu chí được đặt ra, không phải chỉ để một mình ta cảm nhận nó, vì nhà thơ lớn là người có thể hiểu được tấm lòng chung, không riêng ai, thơ ca chính là mũi tên dẫn đường cho con người hòa làm một.

Ý kiến của Chế Lan Viên là một chân lí không thể dời đổi của lĩnh vực thơ ca, ông đã khẳng định vai trò của sự sáng tạo khi làm thơ. Ông đã tạo thêm nhiều đam mê, đồng thời khơi gợi mạnh mẽ những tiềm năng còn ẩn giấu của nhiều thi sĩ chưa biết thể hiện mình. Nếu thơ ca chân chính luôn có sức sống trong lòng người thì sự sáng tạo chính là nhân tố tạo nên sức sống ấy cho thơ.

Phan Phương Nghi

Trường THCS Cầu Kiệu – quận Phú Nhuận – TP. Hồ Chí Minh

Chuyên đề lí luận văn học

Chức năng của văn học

I. Chức năng của văn học

1. Chức năng nhận thức

- Những hiểu biết mà văn chương mang đến cho chúng ta phong phú và đồ sộ về phong cảnh thiên nhiên, phong tục tập quán vùng miền, những sinh hoạt vật chất và tinh thần, những sự kiện chính trị xã hội, những biến cố của quốc gia, dân tộc qua mọi thời đại, các vấn đề xã hội, xu hướng bản chất của từng thời đại...

➔ Đó là những “tri thức cụ thể” và sự hiểu biết rất riêng mang tính đặc thù của văn học nghệ thuật.

VD: Tri thức về nước trong văn học không phải luôn cố định với một định nghĩa: nước là một chất không màu không mùi không vị... Nước trong văn học có những đặc điểm riêng, đem đến những nhận thức mới lạ:

- “Thu ẩm” (Nguyễn Khuyến): nước “lóng lánh bóng trăng loe”.
- “Cảnh khuya” (Hồ Chí Minh): nước cất tiếng rì rào trong trẻo “như tiếng hát xa”.
- “Sông Đà” (Nguyễn Tuân): nước có lúc “lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa”, có lúc “xanh một màu xanh ngọc bích” và khi xuân sang, nước “sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”.

- Nhận thức quan trọng nhất mà văn học mang lại chính là sự hiểu biết về con người qua từng thời đại. Đó là những con người với đời sống tự nhiên và xã hội, con người lao động, con người chiến đấu, con người với chiều sâu cảm xúc, vẻ đẹp tâm hồn riêng...

VD: Đọc “Chí Phèo” của Nam Cao, “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, “Bỉ vỏ” của Nguyên Hồng, “Bước đường cùng” của Nguyễn Công Hoan... chúng ta đều hiểu khá đầy đủ về cuộc sống khổ cực của người dân Việt Nam trong những năm tháng đen tối trước Cách mạng tháng Tám... Tiếng trống, tiếng tù rúc trong những ngày nộp sưu thuế, tiếng thét uất nghẹn của kẻ không – được – làm – người, một lưỡi dao vung lên, một vũng máu tươi, một cuộc đời đi vào ngõ cụt... tất cả giúp chúng ta nhận thức sâu sắc bi kịch về số phận con người trong xã hội cũ.

- Đặc trưng của chức năng nhận thức chính là tính tự giác, tự ngộ, tự nhận thức của bản thân bạn đọc.

2. Chức năng giáo dục

- Văn chương góp phần giáo dục luân lí, truyền bá đạo đức cho con người.
- Các tác phẩm văn học tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, làm thay đổi “mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”.

VD: Hình tượng Lạc Long Quân và Âu Cơ trong truyền thuyết, hình tượng con cò trong ca dao, hình tượng Thạch Sanh, cô Tấm trong truyện cổ tích, hình tượng Thúy Kiều, Cúc Hoa, Ngọc Hoa, Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên trong truyện Nôm, cho đến hình tượng chị Dậu, anh Núp, chị Sứ, mẹ Suốt, mẹ Tom, anh giải phóng quân trong văn thơ hiện đại: có ảnh hưởng mạnh mẽ tới quan niệm đạo đức của lớp lớp thế hệ người Việt Nam.

- Đặc trưng của giáo dục bằng văn học là sự giáo dục mang tính tự giác, dưới một hình thức nghệ thuật tươi mát, hấp dẫn. Nó có tác dụng thẩm thấu, lan tỏa dài lâu trong tâm hồn con người.

VD: Đọc những áng hùng văn của Lí Thường Kiệt, Nguyễn Trãi... ta rất đỗi tự hào về dân tộc ta, tự hào về truyền thống anh hùng của đất nước ta.

Đọc “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, nhận thấy sự bất công xã hội, ta cảm thấy đồng cảm sâu sắc với thân phận người phụ nữ và căm giận cho những tội ác của giai cấp thống trị phong kiến trong thời buổi mạt vận đó.

- Văn học nghệ thuật mang lại sức sống cho tâm hồn. Văn học nghệ thuật xây dựng đời sống tâm hồn, tình cảm cho con người, cho toàn xã hội.

VD: Cảm hiểu về tình đồng chí trong “Đồng chí”, sự tha thứ, bao dung thực sự qua “Ánh trăng”, tình cảm cá nhân và trách nhiệm cộng đồng qua “Làng”, đừng bao giờ dùng hai chữ “để dành” cho những cử chỉ yêu thương qua “Chiếc lược ngà”...

3. Chức năng thẩm mĩ

- Văn học đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người bằng cách phản ánh cái đẹp. Đó là cái đẹp vốn có trong tự nhiên muôn màu muôn vẻ.

VD: Thần thoại, truyền thuyết, sử thi xây dựng các hình tượng nghệ thuật kì vĩ để ngợi ca những chiến công hiển hách, ngợi ca sức mạnh và năng lực của con người trong công cuộc khai phá đất đai, mở rộng địa bàn cư trú, tạo dựng dân tộc, chống ngoại xâm bảo vệ độc lập của cộng đồng.

Truyện cổ tích đề cao cái thiện và những chuẩn mực đạo đức như là nền tảng của nhân tính muôn đời.

Văn học trung đại biểu dương những tấm gương trung liệt, nghĩa khí.

Văn học hiện đại phát hiện vẻ đẹp đời thường ở ngay những nơi lấm láp nhất, nhiều tục lụy nhất.

→ Mọi vẻ đẹp của hiện thực đời sống đều soi bóng trong nghệ thuật. Đến với văn học nghệ thuật ta có thể thỏa thích chiêm ngưỡng những vẻ đẹp ấy

- *Cái đẹp trong văn chương là cái đẹp của thế giới khách quan, cái đẹp của sự vật hiện tượng nhà văn sáng tạo, cái đẹp của cảm xúc thăng hoa, cái đẹp của ngôn từ...*

Bielinxki: “Cái đẹp trong nghệ thuật là điều kiện không thể thiếu được của nghệ thuật. Nếu thiếu cái đẹp thì không có và không thể có nghệ thuật.”

VD: Chế Lan Viên đã từng cảm rất sâu sắc về vẻ đẹp của Tổ quốc, vẻ đẹp của truyền thống ngàn xưa:

“Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm

Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?

Chưa đâu! Ngay cả trong những ngày đẹp nhất

Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc

Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn

Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc

Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sông Bạch Đằng...”

- *Văn học thỏa mãn cho ta nhu cầu về cái đẹp, tạo nên những rung động thẩm mỹ trong lòng ta.*

VD: “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam): cảm giác về cái lạnh được Thạch Lam thể hiện vô cùng tinh tế.

“Thu vịnh” (Nguyễn Khuyến): gợi tả tinh tế cái thanh cao, thanh đạm, thanh nhẹ cùng cái thanh trong, thanh sáng để chúng hợp lại với nhau tạo thành linh hồn thần thái của một bức tranh thu rất đặc sắc của làng cảnh Việt Nam.

- *Người nghệ sĩ bằng những năng lực trí tuệ riêng, có thể phát hiện ra những cái đẹp, những cái mới vốn ẩn náu trong cuộc sống để cho chúng ta những bài học trông nhìn và thưởng thức.*

➔ Văn học chính là phương tiện chủ yếu để hình thành, phát triển năng lực, thị hiếu thẩm mỹ cho con người.

*** Trao đổi: Văn học có chức năng thẩm mỹ vậy văn học có viết về cái xấu, cái ác không?**

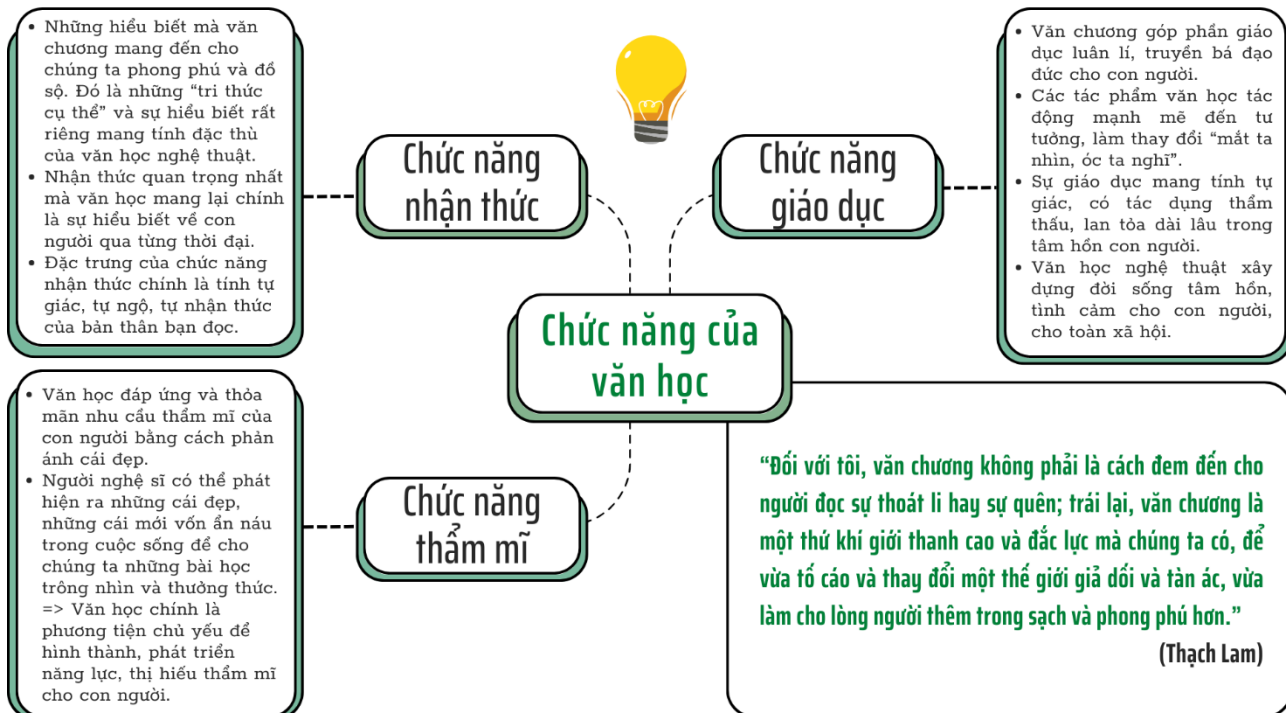
- Định hướng lí tưởng thẩm mỹ: là các giá trị thẩm mỹ mong muốn, cần phải có, là lí tưởng về đời sống phù hợp với quan niệm của chúng ta về cái đẹp.
- Văn học vẽ ra hình ảnh một xã hội lí tưởng, phản ánh trực tiếp phương diện tích cực của đời sống, thắp lên trong tâm hồn người đọc niềm mơ ước tương lai và ngọn lửa khát khao thay đổi cuộc sống hiện tại.
- Tuy nhiên, văn học cũng phản ánh phương diện tiêu cực của đời sống hiện thực và hình tượng các nhân vật phản diện. Để làm được như thế nhà văn phải là người có tâm hồn đẹp, đứng trên đỉnh cao của lí tưởng thẩm mỹ để phản ánh phương diện tiêu cực của đời sống, lấy tâm hồn mà soi sáng những cuộc đời tối tăm, vố về những kiếp người đau khổ, cất lên tiếng thét căm hờn hoặc tiếng cười chế nhạo trước cái ác và cái xấu ở đời. Ta nhận ra được thực trạng cần phải đổi thay, hình dung rõ gương mặt của cuộc sống như nó cần phải có.
- Gogol: “Có những thời đại, nếu không chỉ ra đến tận cùng toàn bộ cái xấu xa đê tiện của cuộc sống hiện tại, ta sẽ không có cách nào để hướng xã hội tới cái đẹp.”

4. Một số nhận định về chức năng của văn học

- “Đối với tôi, văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên; trái lại, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn.” (Thạch Lam)
- “Ngoài việc phản ánh đầy đủ sự thật của đời sống, văn học còn có nhiệm vụ buộc người đọc nhìn chăm chú hơn, nghiêm khắc hơn vào bản thân mình, từ đó hiểu được sâu sắc hơn sự thật của bản thân mình”. (Hoàng Ngọc Hiến)
- “Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người. Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn”. (Nguyễn Đình Thi)
- “Trước một thế giới tan vỡ hay có nguy cơ tan vỡ. Nhà văn nhặt lại những mảnh vỡ để tái tạo lại chính nó đồng thời kích hoạt những dây đàn cảm xúc của con người.” (Trích dẫn từ bài viết trên Tạp chí sông Hương)

- “Tôi nghĩ nếu vẽ một biểu tượng của nghề viết mà tôi đang đeo đuổi, tôi sẽ vẽ hình ảnh của giọt nước mắt hay gần giống như thế. Bởi văn học vẫn còn những rào cản ngôn ngữ. Khi viết về thân phận, nỗi đau, sự bối rối thường trực của con người trước những biến cố của cuộc đời, tôi luôn ao ước những trang viết của mình có được sự rung cảm như những giọt nước mắt.” (Nguyễn Ngọc Tư)
- “Mục đích chính của nghệ thuật là nói lên sự thật về tâm hồn con người. Nghệ thuật là chiếc kính hiển vi mà người nghệ sĩ dùng để soi vào những điều bí ẩn của tâm hồn mình và trình bày những điều bí ẩn chung cho mọi người.” (Lev Tolstoy)
- “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng vươn tới chân lý.” (M. Gorki)

Sơ đồ tóm tắt kiến thức về CHỨC NĂNG VĂN HỌC



II. Bài tập thực chiến

Đề bài: “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần.”

(Hoài Thanh, Ý nghĩa văn chương)

Làm sáng tỏ nhận định trên qua một số tác phẩm văn học.

Bài viết tham khảo

Nhà thơ Lê Đạt từng viết: “Đọc một câu thơ hay, ta thường có cảm giác đứng trước một bến đò gió nổi, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn”. Đến với văn chương là cơ hội để bạn đọc đến gần hơn với cái đẹp. Đó là cái đẹp của thiên nhiên, của con người và của chính tâm hồn mình. Như Hoài Thanh cũng từng viết: “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần”. Nhận định trên đã khái quát được vai trò của văn chương trong đời sống, giúp con người nhận thức, trở nên tốt hơn và gần hơn với cái đẹp.

Một áng văn hay luôn khiến ta rung động. Ấy là sự rung động đến từ sâu thẳm tâm hồn, khiến ta phút chốc như đứng dưới một cơn mưa rào, và để mặc cơn mưa ấy gột rửa tâm hồn mình. Giống như sau cơn mưa trời lại sáng, tâm hồn ta lại trở nên trong sáng hơn. Đó là một chức năng tuyệt vời của văn học, giúp ta nhận thức được từ trong chính tâm hồn mình, nắm bắt được những cảm xúc tưởng chừng mong manh nhất. “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có” – văn chương như tia sáng soi chiếu vào nội tâm của mỗi con người, giúp ta phát hiện những tình cảm thi vị từ cuộc sống, đồng thời làm sâu sắc hơn những tình cảm tốt đẹp mà ta vốn đã mang. Đó là do nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm, con đường tác phẩm văn học tác động đến người đọc cũng chính là thông qua tình cảm, cho nên văn học mới có thể làm được điều ấy. Trong truyện ngắn “Đời thừa”, Nam Cao đã để cho nhân vật Hộ nói lên một chân lí: “Một tác phẩm thật có giá trị, phải vượt lên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn”. Một tác phẩm có giá trị phải là một tác phẩm “làm cho người gần người hơn” – tức là phải giúp cho con người xa phần “con” của mình và gần với phần “người” hơn, cũng tức là phát hiện ra và nhấn mạnh thêm những cảm xúc tốt đẹp trong tâm hồn của mỗi con người.

Không chỉ có vậy, văn chương còn giúp con người nhận ra chiều sâu ý nghĩa của cuộc đời và làm cho đời sống nội tâm của mình trở nên phong phú hơn. Đọc một câu chuyện, một bài thơ, ta như nhìn thấy cả một thời đại, như đã trải qua một cuộc đời, từ lúc sinh ra cho đến khi chết đi. Đọc hàng trăm câu chuyện, hàng trăm bài thơ, ta cũng chẳng khác nào đã trải qua hàng trăm kiếp người. Bởi vậy, Hoài Thanh mới viết: “... cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên

thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần”. Đời người là hữu hạn, nhưng khi đến với văn chương, thời gian và không gian lại trở nên vô hạn. Vì thế, cũng có người đến với văn học như một cách thoát li thực tại, như một liều thuốc chữa lành cho tâm hồn. Bởi lẽ văn chương luôn có khả năng đưa người ta thoát khỏi không gian chật hẹp của chính mình, đến với một chân trời mới đẹp hơn, tươi sáng hơn.

Và, nhiều khi văn chương giúp ta sống lại những kí ức luôn tiềm ẩn trong tâm hồn. Ví như con người ai cũng có quê hương, mà có quê hương thì tất nhiên phải nhớ, thể snhuwng theo thời gian, nỗi nhớ ấy đã chỉ còn âm ỉ, và chỉ khi nào câu thơ về quê hương vang lên, người ta chợt cảm thấy nỗi nhớ ấy sao mà da diết. Chắc hẳn mỗi chúng ta đều nhớ bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh:

“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”

Chỉ hai câu thơ thôi đã gọi lên trong ta biết bao điều. Tế Hanh chỉ nhắc đến quê hương của ông thôi nhưng lại gọi ta nhớ về quê hương của mình. Nhịp thơ của toàn bài nhẹ nhàng, chậm rãi, đều đặn mà da diết. Câu thơ đầu có bốn thanh bằng và ba thanh trắc; câu dưới lại có bốn thanh trắc, ba thanh bằng tạo nên sự đối xứng, nhịp nhàng đến nao lòng. Nhạc điệu của bài thơ được gọi lên thế đó. Ấy là nhạc điệu được gọi lên từ thanh âm, cũng là nhạc điệu được gọi lên từ cảm xúc trong tâm hồn. Đọc “Quê hương”, ta có thể cảm nhận được tình cảm sâu nặng của Tế Hanh đối với “làng tôi”, dấu cho trong bài không có đến một chữ “yêu” hay một chữ “thương”. Tác phẩm chỉ đơn giản miêu tả lại cảnh dân làng chài ra khơi đánh bắt cá, song qua đó cũng đủ để cảm nhận tình cảm của tác giả với quê hương:

“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc chiếc buồm vôi,

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”

Một khổ thơ có hai chữ “nhớ”, và cả dấu chấm than ở câu cuối nữa. Tất cả như ám ảnh tâm trí người đọc, gọi lên cảm xúc rung động mãnh liệt, sâu sắc. Và đôi khi đọc xong “Quê hương”, người đọc cũng không hiểu sao tự dưng mình lại thấy quý mến người dân làng chài – quê hương của Tế Hanh đến vậy. Có như vậy mới thấm được lời bình của Hoài Thanh về thơ Tế Hanh: “Tôi thấy Tế Hanh tình lắm... Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật”. Bởi vậy mới dám khẳng định: “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có”.

Tác phẩm văn học còn có khả năng thay đổi hoặc nâng cao tư tưởng, tình cảm của con người theo những chiều hướng tích cực, giúp cho con người ngày càng hoàn thiện hơn. “Cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần” chính là vậy. Tác phẩm văn học giúp cho con người biết gắn lợi ích cá nhân với cộng đồng, bài hài hòa giữa cái tôi và cái ta, dám hi sinh vì lợi ích chung. Vì vậy, trong những thời khắc cam go của lịch sử, trong những nỗi đau riêng của số phận, tác phẩm văn học đóng vai trò rất lớn. Nó mang thiên chức như một thứ vũ khí, như một lời kêu gọi, như một điểm tựa cho tinh thần của con người. Điều này thể hiện nổi bật trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

“Làng” xoay quanh nhân vật chính là ông Hai – một người nông dân chất phác, nhân hậu nghe theo cách mạng mà đi tản cư. Ông là một người nông dân yêu nước cho nên như một lẽ dĩ nhiên, ông rất yêu làng của mình. Cứ nghĩ về làng Chợ Dầu của mình là ông lại háo hức hẳn lên. Ngay từ đầu tác phẩm, ta đã bắt gặp những câu miêu tả da diết như: “Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.” Đến nơi tản cư, ông thường đến nhà hàng xóm để giải bày những suy nghĩ, tình cảm của mình về làng Chợ Dầu thân yêu, về cuộc kháng chiến của dân tộc. Ông đi nghe báo, ông đi nghe nói chuyện, ông bàn tán về những sự kiện nổi bật của cuộc kháng chiến... Điều đó dù rất bình thường nhưng cũng là biểu hiện của một con người yêu làng, yêu nước. Cho nên khi nghe tin làng của mình theo giặc Tây, ông đã kinh hoàng và thất vọng như thế nào: “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ẹ ẹ, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi...” Sau đó, ông Hai đã nằm lì trong nhà, không đi đâu hết, đêm trằn trọc không ngủ được. Ông cứ mãi phân vân nên quay về làng hay nên ở, vì ở đây thì bị người ta đuổi mà về làng thì nghĩa là phản bội cách mạng. Cuối cùng, ông Hai đã bật thốt lên một câu – câu nói ấy như một tuyên ngôn tinh thần: “Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.” Câu nói này cho ta thấy cuộc đời của một con người – ông Hai, mở cho ta thấy cuộc sống của cả một thời đại – thời đại mà con người ta lựa chọn đặt lợi ích chung lên lợi ích riêng, đặt tình cảm chung lên tình cảm riêng tư và là cái thời đại mà cả đất nước cùng chung một mục đích: giải phóng dân tộc. “Làng” của Kim Lân đã lay động vào tình cảm này của con người thời ấy, như một lời kêu gọi phấn chấn. Ngày nay, dẫu chiến tranh đã ngừng, thì tác phẩm vẫn giúp người đọc ôn lại những cảm xúc một thời của dân tộc.

Một tác phẩm hay hẳn là sẽ mang lại cho chúng ta biết bao giá trị về tinh thần. Nhưng điều này sẽ không thực hiện được nếu tác phẩm ấy không xuất phát từ hiện thực. Như Tố Hữu đã từng nói: “Văn học không chỉ là văn chương mà thực chất là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì cả nếu không vì

cuộc đời mà có. Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học”. Một tác phẩm nếu không mang giá trị hiện thực mà chỉ phản ánh những điều viển vông, chỉ do người viết tưởng tượng ra thì hẳn là một tác phẩm không có giá trị. Muốn người đọc có được cảm xúc chân thật sau khi tiếp nhận tác phẩm, thì bản thân tác phẩm cũng phải bắt nguồn từ những gì chân thật nhất. Đó là điều mà nhà văn nào cũng cần phải lưu ý. Mặt khác, một tác phẩm có nội dung hay, muốn đến được với người đọc, nhất thiết phải được truyền tải một cách nghệ thuật. Ấy là mối quan hệ không thể tách rời giữa cái chân, cái thiện và cái mỹ.

Theo Hemingway, tác phẩm văn học cũng như tảng băng trôi, thứ nổi lên trên mặt nước chỉ là một phần ý nghĩa tường minh, còn phần lớn ẩn sâu dưới nước. Thật tiếc khi độc giả thường không chạm nổi đến đáy tảng băng trôi ấy, vậy nên là một người yêu văn học, trau dồi bản thân là một điều vô cùng cần thiết. Vì thế, với tư cách là một người đọc, bản thân chúng ta cũng cần phải nâng cao, rèn luyện khả năng nhận thức và nhu cầu thẩm mỹ của mình, để có thể tiếp nhận tác phẩm một cách sâu sắc nhất.

Văn chương giúp tâm hồn ta trở nên đẹp hơn, trong sáng hơn. Nó giúp tâm trí ta trở nên rộng mở hơn, hiểu biết hơn. Nó nâng cao nhận thức của mỗi con người, nâng cao giác quan thẩm mỹ và làm “con người gần người hơn”. Văn chương, do đó thực sự là một phần quan trọng trong đời sống của mỗi con người.

Trần Khánh Linh

Trường THCS Trần Đại Nghĩa – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

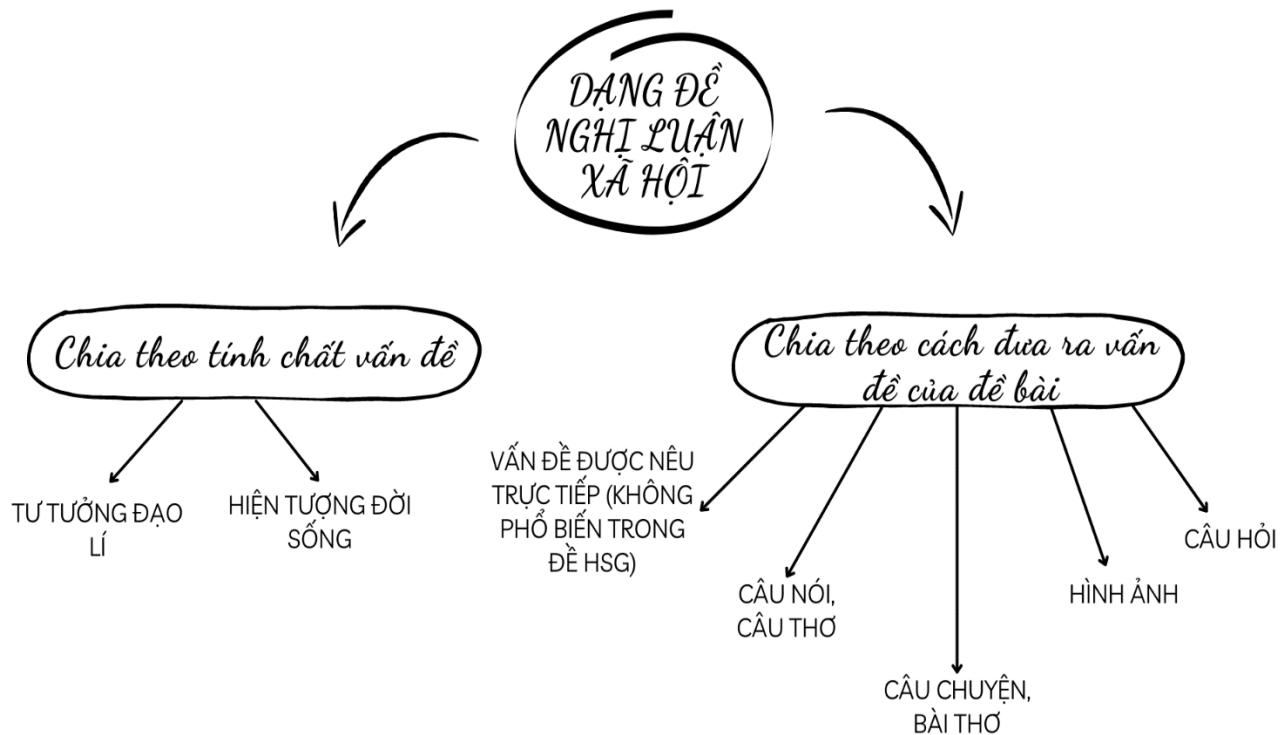
Chuyên đề nghị luận xã hội

Tổng quan về nghị luận xã hội

I. Khái niệm

Nghị luận xã hội là người viết bộc lộ quan điểm, chính kiến của mình về một vấn đề gần gũi, phù hợp với bản thân, trong cuộc sống hàng ngày.

II. Phân loại



III. Các bước làm bài

1. Bước 1: Phân tích đề

- Đọc kĩ đề bài
- Xác định được vấn đề nghị luận (giải thích)

VD: “Không phải tất cả chúng ta đều làm được những điều vĩ đại nhưng chúng ta có thể làm những điều nhỏ bé với tình yêu vĩ đại”. (Mẹ Teresa)

⇒ Câu nói đề cập đến vấn đề: lối sống tràn đầy tình yêu thương, tâm huyết trong mọi việc.

(trả lời câu hỏi: cần làm gì, cần có tư tưởng gì, cần sống như thế nào?)

2. Bước 2: Lập ý

- Tập trung ở thân bài
- Sử dụng từ khóa, ghi nhanh ý tưởng về từng luận điểm của thân bài
- Lấy dàn ý làm cơ sở để triển khai bài viết

3. Bước 3: Viết bài hoàn chỉnh

4. Bước 4: Đọc lại bài, sửa lỗi nếu có

IV. Một số lưu ý

- Không thể tự bó hẹp nội dung bài luận của câu nghị luận xã hội vào 1 vài chủ đề phổ biến.
- Đề nghị luận xã hội đưa ra sẽ không phải là những vấn đề vĩ mô hay quá cần cỗi.
- Chỉ cần các em:
 - có sự hồn nhiên, trong trẻo của lứa tuổi
 - có sự quan tâm đến những vấn đề đang diễn ra hàng ngày
 - có suy nghĩ sâu sắc về các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống
 - có kĩ năng làm bài

V. Một số nguồn tài liệu tham khảo

- Sách: tham khảo môn Văn, sách đời sống, truyện, tiểu thuyết
- Chương trình truyền hình về tin tức, giáo dục
- Ngữ liệu đọc hiểu trong các đề thi
- Các chủ đề nên tìm hiểu: tâm lí học, thế giới tự nhiên, vũ trụ....

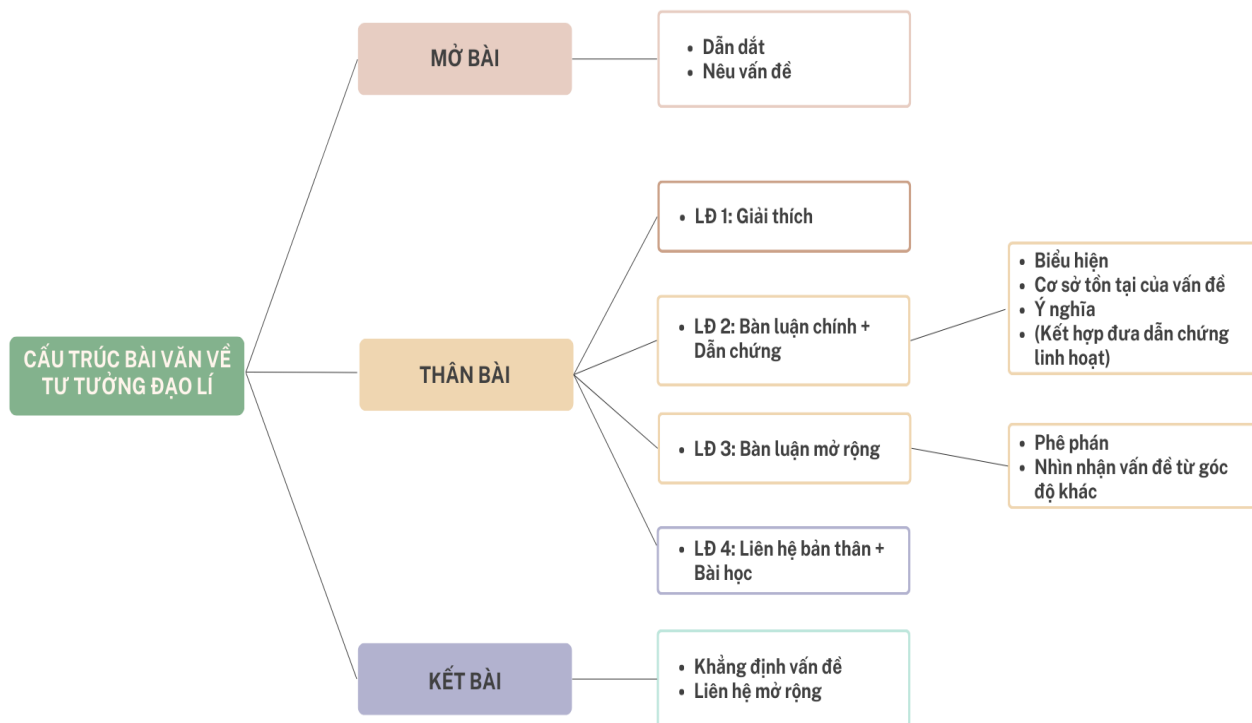
Chuyên đề nghị luận xã hội

Phương pháp làm dạng đề tư tưởng đạo lí

I. Nhận biết dạng đề

- Đề bài đề cập đến vấn đề về tư tưởng, tình cảm, đạo đức của con người trong đời sống.
- Vấn đề thường được gợi mở qua một câu danh ngôn, một câu chuyện, một hình ảnh, một gợi ý, dẫn dắt... (dữ liệu)

II. Cách làm



1. Mở bài: dẫn dắt + nêu vấn đề

- Dẫn dắt: một số ý tưởng dẫn dắt độc đáo
 - Danh ngôn về từng phẩm chất cụ thể / danh ngôn nêu lên quy luật cuộc sống
(**Lưu ý:** dẫn dắt ngắn gọn: 3 câu - 1 câu khẳng định lại nội dung của danh ngôn + 1 câu nêu ra mối liên hệ giữa danh ngôn với vấn đề của đề bài + 1 câu nêu vấn đề)
 - Câu chuyện: tự sáng tác / nêu ra trải nghiệm của bản thân ở một hoàn cảnh cụ thể.

VD: *Con mưa bất chợt đổ rào xuống khu rừng. Những loài vật vội vã tìm chỗ trú mưa. Các tán cây, khóm hoa e dè nghiêng cúp để né tránh những hạt mưa nặng trĩu, ạt ào. Duy chỉ có những bông Diệp Hà Sơn vẫn vươn mình đầy kiêu hãnh đón lấy màn mưa. Bỗng chốc, những cánh hoa trắng muốt trở thành trong suốt lấp lánh như pha lê khi gặp nước. [câu chuyện để dẫn dắt] Từ sự biến đổi ngoạn mục của loài Diệp Hà Sơn trước sự thay đổi bất thường của thời tiết, thiết nghĩ chúng ta cũng nên suy ngẫm nhiều hơn về lối sống linh hoạt để hòa hợp với hoàn cảnh xung quanh. Trong câu chuyện ABC / về nội dung ABC, vấn đề về lối sống linh hoạt cũng được thể hiện rõ.*

- Nêu vấn đề: gợi mở về vấn đề được đặt ra + trích dẫn vấn đề

2. Thân bài

a) LĐ 1: Giải thích

- Trả lời câu hỏi Là gì? (vấn đề được đề cập đến nghĩa là gì?)
- Cách làm cụ thể ở một số dạng:
 - Dạng câu nói/nhận định: giải thích những từ ngữ cụ thể → ý nghĩa của cả câu.
(VD: “*Nghịch cảnh không phải là một tảng đá cản lối bước chân bạn mà là thềm đá nâng bạn bước cao hơn*”. → Giải thích “nghịch cảnh”, “tảng đá”, “thềm đá” → cả câu: khẳng định vai trò của khó khăn, thử thách trong cuộc sống)
 - Dạng hình ảnh: giải mã hình ảnh (gắn với gợi ý của đề bài); tập trung vào yếu tố bất thường trong hình ảnh + khai thác ý nghĩa biểu tượng của sự bất thường đó.
 - Dạng câu chuyện: tóm tắt ngắn gọn câu chuyện → xác định những chi tiết quan trọng và giải thích ý nghĩa của chi tiết đó → bài học mà câu chuyện gửi gắm (giải thích bài học nếu như trong bài học có những vấn đề/ thuật ngữ chuyên ngành)

VD: *Trình bày suy nghĩ của em về bài học rút ra từ câu chuyện sau:*

Cá ngược dòng và lá xuôi dòng

Suốt dọc đường, chú tiểu chốc chốc lại trách móc sư già: “Ngồi trong thiền phòng niệm kinh thoả mái biết bao, tại sao nhất định phải ngàn dặm xa xôi ra ngoài hóa duyên kia chứ?”

Đi đến bờ sông, chú tiểu nhìn thấy mấy con cá bơi ngược dòng, lại bắt đầu mượn đề tài phát huy: “Mấy con cá này ngược thật, bơi ngược dòng, quả là tốn sức, quả là vất vả.”

“Nhưng chúng đang hưởng thụ niềm vui đấy!” Sư già bảo.

“Rõ ràng rất cực nhọc, làm sao vui vẻ được?” Chú tiểu lầu bầu.

“Điều chúng hưởng thụ là niềm vui của sự phấn đấu!” Sư già đáp.

“Bơi xuôi dòng chẳng phải an nhàn hơn, dễ chịu hơn ư? Chẳng phải có thể hưởng thụ niềm vui lớn hơn ư?” Chú tiểu cãi lại.

“Con có nhìn thấy phiến lá vàng kia không?” Sư già chỉ một phiến lá vàng dập dềnh trên mặt nước và nói: “Chỉ có những thứ đã chết mới trôi dạt xuôi dòng, mới hưởng thụ kiểu an nhàn và dễ chịu này mà thôi!”

(Hoàng Tiểu Bình)

➔ *Viết mẫu MB: Thật may mắn khi mỗi sớm mai thức dậy, ta lại được ngắm nhìn cuộc đời với biết bao điều tươi đẹp. Hãy để ý, cuộc sống của chúng ta chẳng phải rất giống hành trình của một mũi tên hay sao? Một mũi tên bật tung mạnh mẽ từ dây cung căng tràn nhựa sống, đề rồi cứ lao đi, vun vút, vun vút kiếm tìm mục tiêu của mình. Nhưng hành trình đó không đơn giản, bởi đôi lúc sẽ xuất hiện chông gai. Là một mũi tên chưa chạm tới hồng tâm, ta sẽ dễ dàng bỏ cuộc, nản lòng hay quyết tâm đến cùng cho mục tiêu phía trước? Tôi tin lí trí và con tim sẽ mách bảo chúng ta lựa chọn sự quyết tâm, cố gắng, lựa chọn con đường mang tên nỗ lực không ngừng nghỉ. Vì sao? Ta sẽ tìm được câu trả lời đúng đắn qua câu chuyện “Cá ngược dòng và lá xuôi dòng”.*

➔ *Viết mẫu cách giải thích 1: Câu chuyện tái hiện cuộc đối thoại của một chú tiểu và vị sư già. Chú tiểu đang than vãn vì phải đi xa để hóa duyên, nhìn cái gì cũng thấy mệt mỏi và vất vả. Đối với mấy con cá bơi ngược dòng, chú tiểu chỉ thấy đó là sự ngốc nghếch, mệt nhọc, tốn phí sức lực. Chú cho rằng những con cá nên bơi xuôi dòng mới gọi là dễ chịu, an nhàn, được hưởng thụ thú vui cuộc đời. Nhìn bề ngoài, suy nghĩ của chú tiểu cũng có lí. Nhưng lời giảng giải của sư già đã giúp chúng ta nhận ra bản chất vấn đề. Cá bơi ngược dòng tuy vất vả nhưng chúng được tận hưởng niềm vui của sự phấn đấu. Còn những thứ xuôi dòng dễ dàng như chiếc lá vàng kia thực ra lại chính là những thứ đã chết, vô giá trị. Thông điệp của câu chuyện được gửi gắm trọn vẹn trong lời nói của vị sư già: “Chỉ có những thứ đã chết mới trôi dạt xuôi dòng, mới hưởng thụ kiểu an nhàn và dễ chịu này mà thôi”, nghĩa là cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi ta biết cố gắng, nỗ lực không ngừng nghỉ và ngược lại cuộc sống sẽ chẳng có nghĩa lí gì nếu ta lười phấn đấu, đầu hàng trước khó khăn, chỉ muốn hưởng thụ an nhàn mà không lao động bằng chính sức lực của bản thân. Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “cá ngược dòng” và “lá xuôi*

dòng” đã đem đến bài học thấm thía cho tất cả chúng ta. Sự phấn đấu, nỗ lực bền bỉ luôn có ý nghĩa quan trọng, đem đến thành quả xứng đáng cho cuộc sống của mỗi người.

→ Cách làm: Tóm tắt (kiến giải về những hình ảnh trọng tâm của câu chuyện) → khẳng định thông điệp → giải thích thông điệp.

→ Viết mẫu cách giải thích 2: *Câu chuyện tái hiện cuộc đối thoại của một chú tiểu với vị sư già về những con cá bơi ngược dòng và chiếc lá vàng trôi xuôi dòng. Những con cá bơi ngược dòng thì rất vất vả, cực nhọc nhưng chúng đang tận hưởng niềm vui của sự phấn đấu. Đó là biểu tượng cho những người luôn nỗ lực phấn đấu, quyết tâm vượt qua khó khăn và cuối cùng được hưởng thành quả xứng đáng. Còn hình ảnh chiếc lá trôi xuôi dòng rất an nhàn, dễ chịu, không chút khó khăn lại là biểu tượng cho những ai lười biếng, chấp nhận để cuộc đời thả trôi theo số phận, dễ dàng đầu hàng trước khó khăn, thử thách. Từ đó, câu chuyện nhắc nhở chúng ta về một quan điểm sống tích cực: sự phấn đấu, nỗ lực bền bỉ luôn có ý nghĩa quan trọng, đem đến thành quả xứng đáng cho cuộc sống của mỗi người.*

→ Cách làm: Khái quát chủ đề chính của câu chuyện → Giải thích ý nghĩa biểu tượng của những hình ảnh trọng tâm trong câu chuyện → Khẳng định + giải thích vấn đề được rút ra.

- Cách diễn đạt:

- A là / có nghĩa là B
- Nêu ra những biểu hiện của vấn đề cần giải thích, những trường hợp xuất hiện điều đó: Ta bắt gặp + vấn đề A + là khi + biểu hiện...

b) LĐ 2: Bàn luận về biểu hiện, ý nghĩa, cơ sở tồn tại của vấn đề (trọng tâm nhất của thân bài)

- **Biểu hiện của vấn đề** (vấn đề đó như thế nào?) (có thể đưa dẫn chứng) → cụ thể nhất, chân thật nhất, suy nghĩ, hành động, lời nói như thế nào?

VD: Biểu hiện của sự phấn đấu không ngừng nghỉ - chữa phần trả lời của học sinh

HS 1: *Người phấn đấu, cố gắng, luôn bền bỉ thường sẽ có những biểu hiện tốt đẹp từ thái độ, suy nghĩ đến hành động, lời ăn, tiếng nói. Trong hành động, họ là một người biết xác định rõ mục tiêu, luôn đặt mục đích đã đề ra làm phương án ưu tiên. Bên cạnh đó, những người có phẩm chất trên thường rất quyết đoán trong công việc của mình, họ sẽ không dễ dàng từ bỏ ngay từ những bước ngã đầu tiên. Hay ở trong lời ăn tiếng nói, họ là một người luôn kiên quyết đến cùng với quyết định bản thân đã đề ra, luôn thẳng thắn nhìn nhận vấn đề và đề ra hướng giải quyết khúc mắc để*

tiếp tục chẳng hành trình. Để đưa ra được những hành động trên, trước hết, trong suy nghĩ họ phải luôn vững vàng với chính mục đích của cá nhân, không thấy khó mà nản, không thấy đường dài mà lui. Họ tự biết năng lực cá nhân, địa vị hiện tại và tầm nhìn xa về tương lai để rồi có cái nhìn trực diện, thái độ thẳng thắn, bình tĩnh gỡ rối vấn đề đang gặp. Đây là những biểu hiện tốt đẹp của người có sự bền bỉ, luôn biết cố gắng, phấn đấu không ngừng nghỉ mà cta thường gặp.

HS 2: Suy nghĩ:

- Là những con người không ngại khó, ngại khổ, dám đương đầu trước khó khăn thử thách.
- Không khuất phục trước số phận.
- Không có suy nghĩ chủ quan, đổ lỗi. Họ không cho rằng mọi việc thất bại là do tác động bên ngoài mà chắc chắn ở đó sẽ có những nguyên nhân xuất phát từ chính bản thân họ.

Hành động:

- Kiên trì vượt qua gian nan: tự đặt ra những câu hỏi: “mình đã làm được gì? Chưa làm được gì? Cần làm gì?”
- Luôn có thể xoay sở tình thế, tìm được những sự may mắn cơ hội trong cái khó, tự mở ra con đường mới cho chính mình: họ có thể tìm đến những chuyên gia, những người thầy để học hỏi (học hỏi được nhiều điều từ những người thầy trong chính tình thế khó khăn mà mình gặp phải). Tự xây dựng những cộng đồng, đội nhóm để cùng nhau tạo ra những cơ hội mới. (Những người có mặt trong những cộng đồng, câu lạc bộ giúp họ có thể theo đuổi đam mê với những người cùng chí hướng).
- Biết khắc phục hoàn cảnh khó khăn bằng thực lực bản thân, đúc kết kinh nghiệm từ những vấp ngã trước kia để ngày càng lão luyện mà có thể phấn đấu không ngừng nghỉ: Sở hữu những cuốn sổ, những trang nhật kí đúc kết bài học qua từng ngày trưởng thành để họ học được từ chính quá khứ của mình, để thêm vững tin vào tương lai và mục tiêu mà mình đã chọn.

➔ Rút kinh nghiệm: Khi viết về biểu hiện cần suy nghĩ đã dạng các hướng.

- **Cơ sở tồn tại của vấn đề** (tại sao lại xuất hiện vấn đề trong cuộc sống?) (có thể đưa dẫn chứng)
 - Truyền thống trong tư tưởng, đạo lí của dân tộc, đất nước, con người
 - Tác động từ đời sống xã hội, quy luật vận hành của cuộc sống

➔ Một lần nữa khẳng định tính tích cực/tiêu cực của vấn đề đang bàn luận.

- **Ý nghĩa, tác động của vấn đề** (vấn đề này cần thiết/có tác động như thế nào?) (+ dẫn chứng)
 - Đối với mỗi cá nhân: giúp mỗi người trở nên như thế nào? → Đối với toàn xã hội, cộng đồng: khiến cho xã hội ra sao?
 - Ý nghĩa từ đơn giản, giản dị, dễ thấy nhất đến những ý nghĩa cao cả hơn, sâu sắc hơn, trừu tượng hơn.
- **Lưu ý:** để phần diễn đạt được độc đáo hơn:
 - Kết hợp giữa cách viết trực tiếp và cách diễn đạt có hình ảnh
 - Luôn chú ý vào điểm nhấn của từng ý nhỏ

VD: Bàn về giá trị của giọt nước mắt

➔ Diễn đạt mẫu phần bàn luận về cơ sở tồn tại của vấn đề: *Cuộc sống muôn đời vẫn vậy, luôn là những vòng quay của những khó khăn, gian khổ mà con người phải vượt qua bởi chẳng có chặng đường nào trải toàn hoa hồng. Con người ta vẫn thường phải đi qua chông gai để đến với ngày mai tươi sáng. Trên con đường chông gai ấy luôn là những mất mát, đau thương khó lòng có thể vượt qua. Và đôi khi đã quá đau vì những vết thương chất chồng, con người ta chỉ đành khóc lên cho vơi bớt nỗi lòng, thế là dòng nước mắt cứ thế cứ thế lăn dài trên gò má của những người đi tìm ngày mai.*

➔ Rút kinh nghiệm: Áp dụng linh hoạt phương pháp viết: chỉ khai thác 1 cơ sở tồn tại (quy luật của cuộc sống) + Cách tư duy: đi từ ngọn (vấn đề) → chỉ ra những lí do gần gũi nhất khiến cho vấn đề đó xuất hiện → lí do xa hơn, khái quát hơn → trở về gốc

➔ Diễn đạt mẫu phần bàn luận về ý nghĩa của vấn đề: *Trên thực tế, mỗi giọt nước mắt lăn trên mi ta đều mang trong mình một ý nghĩa nhất định. Trong những phút yếu lòng, ta gửi buồn vào giọt lệ để rửa trôi đi những đau thương, tuyệt vọng, để vơi đi phần nào những điều nặng lòng không nói nên lời, để giải tỏa cho tâm hồn ta. Sau những vấp ngã ta có thể khóc nhưng khóc không có nghĩa là yếu đuối, là hèn nhát, mà ta khóc vì ta tiếc nuối những điều mình đã bỏ lỡ, để quyết tâm nhiều hơn, biến buồn đau thành hành động. Đằng sau những niềm vui luôn luôn là giọt nước mắt. Con ong muốn làm nên mật ngọt đã phải bay muôn dặm để tìm tinh túy trong từng chiếc nhụy, là bao khó khăn hóa thành giọt nước mắt để rồi dâng lên chút mật quý giá cho đời. Dòng sông hiền hòa êm trôi là thành quả của bao vật lộn với dòng nước lũ nơi thượng nguồn thác dữ. Thiên nhiên tạo vật tuyệt diệu, kì vĩ như ngày hôm nay cũng là thành quả, là nước mắt của bao biến thiên cuộc đời dâu bể. Con người cũng vậy. Để có thể sống đẹp, sống tận hiến cho cuộc đời, ai ai cũng đều*

phải trải qua khó khăn và đều không thể thiếu vẻ đẹp của giọt nước mắt. Dòng lệ ấy là những bài học sau bao gian khổ ta chắt chiu để thêm trưởng thành và bản lĩnh, là những giọt nước mắt đáng quý đến ngàn vàng giúp ta lớn lên, sống có ích và ý nghĩa hơn.

→ Rút kinh nghiệm: Để phần bàn luận được rõ ràng, mạch lạc, luôn cần những câu nêu chủ đề / nêu luận cứ (biểu hiện, lí do dẫn đến, ý nghĩa/tác động/sự cần thiết...); Khi bàn luận cần đi theo một trình tự nhất định.

- **Đưa dẫn chứng** (vị trí rất linh hoạt)

- Vị trí của dẫn chứng: linh hoạt
- Số lượng: 2 đến 4 dẫn chứng nếu phân tích kĩ
- Cách đưa dẫn chứng:
 - Nêu dẫn chứng: ai? ở đâu? làm việc gì liên quan đến vấn đề?
 - Phân tích dẫn chứng: cho thấy dẫn chứng chính là một minh chứng tiêu biểu cho vấn đề ta đang bàn luận.
 - Luôn khai thác các dẫn chứng người thật, việc thật và cập nhật, mới mẻ.

c) LĐ 3: Bàn luận mở rộng

- Phê phán: thái độ, tư tưởng lệch lạc, đi ngược chiều với những tư tưởng tích cực (Chỉ ra hậu quả khôn lường, tác động xấu của những tư tưởng tiêu cực để phê phán, cảnh tỉnh mọi người).
- Nhìn nhận vấn đề từ góc độ khác: chỉ ra những trường hợp mà vấn đề này có những biểu hiện chưa đúng → xem xét xem có phải lúc nào vấn đề này cũng đúng hay không, cần bổ sung điều gì để vấn đề hoàn thiện hơn...? → rút ra được cách nhìn nhận thấu đáo nhất về vấn đề.

d) LĐ 4: Liên hệ bản thân + bài học

- Liên hệ bản thân: tự coi bản thân mình như 1 dẫn chứng → nêu (những điều đã làm, đang làm có liên quan đến vấn đề) và phân tích dẫn chứng (cần phải nghĩ gì, làm gì để cuộc sống tích cực hơn).
- Bài học: thật thiết thực, không được hô hào
 - Nghĩ như thế nào (nhận thức)
 - Làm gì (hành động)

3. Kết bài: tổng kết vấn đề + thông điệp

Gợi ý cách dẫn dắt: Trong cuốn sách “Nếu biết trăm năm là hữu hạn”, tác giả Phạm Lữ Ân có viết: “Chúng ta không thể hít một hơi dài quá khả năng của bản thân, nhưng có thể hít thật sâu hết khả năng trong từng hơi thở”. Nếu đã biết trăm năm là hữu hạn, có gì ta không sống thật sâu, trong từng hơi thở, từng ý nghĩ và từng hành động thường ngày. Hãy mỉm cười với cuộc sống và thực hành + hành động thực tế liên quan đến vấn đề nghị luận. Bởi tôi tin, từ những điều nhỏ nhoi ấy, mỗi chúng ta đều có thể sống tận hiến, chạm đến chân giá trị của cuộc đời.



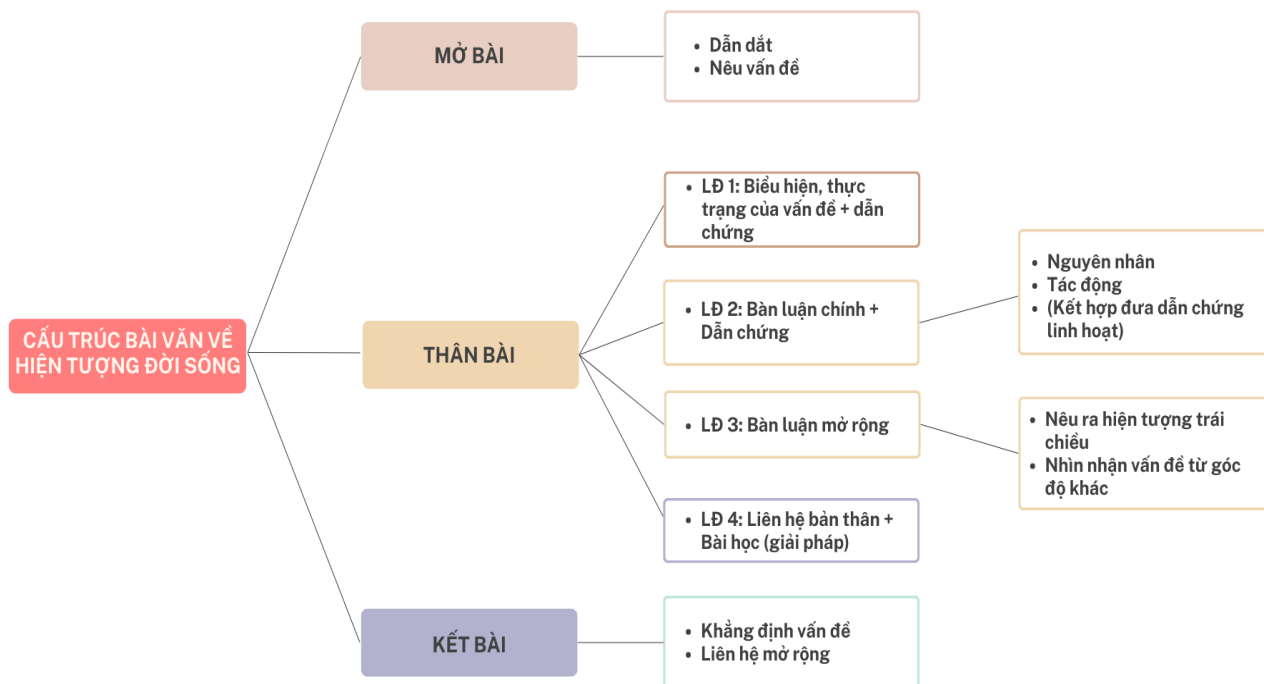
Chuyên đề nghị luận xã hội

Phương pháp làm dạng đề hiện tượng đời sống

I. Nhận biết dạng đề

- Dạng đề này thường nêu ra một hiện tượng, một sự việc có thật trong đời sống, mang tính nóng hổi, thời sự.
- Đó có thể là hiện tượng tích cực hoặc hiện tượng tiêu cực hoặc vừa tích cực, vừa tiêu cực.
- Hình thức câu hỏi: đề cập vấn đề một cách trực tiếp, bức tranh, câu chuyện (bài báo), câu nói...

II. Cách làm



1. Mở bài: Dẫn dắt + Nêu vấn đề

2. Thân bài:

Theo dõi bảng sau để thấy được bản chất cấu trúc phần thân bài của bài văn NLXH:

Tư tưởng đạo lí	Hiện tượng đời sống
* LĐ 1: Giải thích (tóm tắt câu chuyện)	* LĐ 1: Biểu hiện (thực trạng) của hiện tượng + dẫn chứng

	<ul style="list-style-type: none"> Dạng đề hình ảnh, câu chuyện, câu nói → mô tả/tóm tắt/giải thích → hiện tượng được đề cập → biểu hiện Mục đích: giúp người đọc có được cái nhìn tổng quan, nhận biết được về hiện tượng đang được đưa ra trong bài viết.
* LĐ 2: Bàn luận chính (biểu hiện, ý nghĩa, cơ sở tồn tại) + dẫn chứng	<p>* LĐ 2: Bàn luận chính</p> <ul style="list-style-type: none"> Mục đích: phân tích các khía cạnh của hiện tượng để bàn luận, đánh giá xem đó là hiện tượng tốt hay xấu. Nguyên nhân của hiện tượng: chủ quan và khách quan. Tác động: đối với những người trong cuộc + ngoài cuộc, xã hội / tích cực, tiêu cực (thực tế, chắc chắn, danh thếp) <p>⇒ Đánh giá về hiện tượng: tích cực hay tiêu cực hay là hiện tượng mang tính đa chiều.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dẫn chứng: vị trí linh hoạt
* LĐ 3: Bàn luận mở rộng (phê phán, nhìn nhận vấn đề từ góc độ khác)	<p>* LĐ 3: Bàn luận mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> Khai thác những khía cạnh sâu xa của hiện tượng / chỉ ra những hiện tượng trái chiều để phê phán hoặc đề ca ngợi
* LĐ 4: Liên hệ bản thân + Bài học	<p>* LĐ 4: Bài học + Liên hệ bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> Bài học: Giải pháp để phát huy / khắc phục: nguyên nhân nào thì giải pháp đó. Liên hệ bản thân

3. Kết bài: Khẳng định vấn đề + thông điệp

Tổng hợp cách đưa hình ảnh, câu chuyện vào bài nghị luận xã hội

Đề tài	Hình ảnh, câu chuyện, tình huống	Triển khai
Ý nghĩa của những điều tốt đẹp trong cuộc đời	Hoa táo	“Nếu cuộc đời này toàn chuyện xấu xa / Tại sao cây táo lại nở hoa?” (Lưu Quang Vũ). Hình ảnh những bông hoa táo đến mùa lại nở rộ khiến tôi nhớ về ý nghĩa của những điều tốt đẹp trong cuộc sống.
Lòng dũng cảm	Chim đại bàng	Có lần tôi chợt nghĩ: nếu chú chim đại bàng nghĩ mình chỉ là con gà không dám bay ra khỏi tổ thì làm sao có thể trở thành chúa tể trời xanh? Và chính điều đó gợi tôi suy nghĩ về vai trò của lòng dũng cảm trong cuộc sống mỗi người.
	Hoa mọc trên đá	“Hoa mọc trên đá, lá mọc bên thềm”, ở giữa vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vốn nhỏ bé, mong manh vẫn vươn mình bung nở như thách thức với khó khăn cuộc sống. Hình ảnh bông hoa kiên cường gợi tôi suy nghĩ về lòng dũng cảm trong cuộc sống.
Lòng vị tha	Trái tim - ngọn lửa	Tôi từng nghe nói: khi quay ngược trái tim mình lên thì trái tim sẽ mang hình ngọn lửa. Đó phải chăng là ngọn lửa của tình người ấm áp, của lòng vị tha ngập tràn.
Hi vọng, lạc quan	Hoa hướng dương	Hoa hướng dương đã dạy tôi: chỉ cần hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngã về phía sau và mỗi ngày sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Đó là lí do vì sao chúng ta phải luôn hi vọng, lạc quan trong cuộc sống này.
	Ngôi sao	Giữa bóng đêm mù mịt, tăm tối, hi vọng và lạc quan sẽ luôn tỏa sáng như những vì sao lung linh.
	Cầu vồng	Không thể có cầu vồng rực rỡ nếu trước đó không có những cơn mưa. Trước những khó khăn, trở ngại, bạn đừng vội bi quan bởi chỉ cần có hi vọng, bạn sẽ nhìn thấy cầu vồng thật đẹp sau những cơn mưa thử thách.
Vai trò của biến cố, nghịch cảnh	Giông tố	“Đời phải trải qua giông tố nhưng chớ cúi đầu trước giông tố” (Đặng Thùy Trâm). Thật vậy, điều quan trọng không phải là biến cố xảy ra như thế nào mà là cách ta đối mặt với biến cố ấy ra sao.
	Máy bay, cung tên	Máy bay bay được là nhờ ngược gió. Mũi tên lao nhanh được về phía trước là nhờ dây cung kéo mạnh về phía sau. Không có thử thách thì không thể thành công và mỗi khó khăn, nghịch cảnh đều đem đến cho ta những bài học đáng quý.
Tính kiên trì	Chú rùa	Trong truyện “Rùa và thỏ”, trái với chú thỏ lười biếng, dễ nhụt chí thì chú rùa lại bền bỉ từng bước để về đích và giành được

		thắng lợi. Câu chuyện đó đã gọi ta suy nghĩ về tầm quan trọng của tính kiên trì.
	Dòng sông	Một dòng sông có thể cắt ngang một tảng đá không phải nhờ sức mạnh của nước mà là nhờ sự kiên trì, nước chảy thì rồi một ngày đá sẽ mòn. Sự thật ấy đã làm tôi nhận ra tầm quan trọng của sự kiên trì.
	Cây tre	Tre mất 4 năm chỉ tăng thêm 3cm. Nhưng từ năm thứ năm trở đi, nó sẽ phát triển mạnh mẽ với tốc độ 30cm mỗi ngày và chỉ mất sáu tuần để phát triển lên 15 mét. Trên thực tế, trong 4 năm đầu tiên, rễ tre kéo dài hàng trăm mét vuông trong đất. Nỗ lực ngày hôm nay là nền tảng cho sự phát triển mai sau. Kết quả của sự kiên trì chính là thành công bất phá trong tương lai.
Lí tưởng sống	Ngọn hải đăng	Những con thuyền đang ngày đêm lênh đênh trên biển cả đều rất cần một ngọn hải đăng để dẫn đường, soi sáng cho chúng tìm đến bến bờ an toàn và bình yên. Chúng ta cũng vậy, ngọn hải đăng của chúng ta chính là lí tưởng sống - nó chấp cánh cho ta bay cao cùng ước mơ và chỉ đường cho ta đến bến bờ hạnh phúc của cuộc sống.
	Cây đèn	"Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường, không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng kiên định thì không có cuộc sống" (Lep-ton-xtoi)
Vô cảm	Liều thuốc	"Chúng ta có thể chữa trị được hầu hết thói xấu xa, nhưng chúng ta vẫn chưa tìm ra liều thuốc cho thói xấu tồi tệ nhất, sự vô cảm của con người" (Helen Keller)
Ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ đến đời sống con người	Con dao hai lưỡi	Thời đại công nghệ 4.0, công nghệ phát triển như vũ bão. Bên cạnh bao lợi ích mà nó mang lại thì như một con dao hai lưỡi, nếu ta sử dụng không đúng cách, công nghệ sẽ để lại những hệ lụy xấu, tiêu cực tới đời sống của con người.
Lòng khiêm tốn	Bông lúa	"Sông sâu tĩnh lặng, lúa chín cúi đầu". Những bông lúa lép thường kiêu ngạo mà chĩa thẳng lên trời, còn bông lúa chắc hạt thường cúi đầu xuống đất. Hình ảnh đó gọi ta suy nghĩ về biểu hiện của sự khiêm tốn.
	Phân số	"Con người ta là một phân số mà tử số là giá trị thật, còn mẫu số là giá trị mà người ta tưởng là mình có. Nếu mẫu số càng lớn thì phân số càng nhỏ. Nếu mẫu số vô tận thì phân số bằng 0" (Lép Tôn-xtôi)
Lối sống sẻ chia	Bản nhạc	Nếu ví cuộc đời là một bản trường ca bất tận thì có lẽ sự sẻ chia chính là nốt trầm nhưng sâu sắc nhất trong bản trường ca ấy.
	Hai biển hồ	Đất nước Palestin có 2 biển hồ: biển Chết và biển Galile cùng xuất phát từ sông Jordan. Nước sông Jordan chảy vào biển Chết. Biển

		Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ, nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát. Biển hồ Galilê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Jordan rồi từ đó mà tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muông thú và con người.
Vấn đề góc nhìn	Quả trứng	Mỗi vấn đề trong cuộc sống đều có thể được nhìn nhận ở nhiều góc độ khác nhau đem đến những quan điểm, nhận thức khác nhau. Cũng giống như quả trứng, nếu đập vỡ từ quên ngoài thì chỉ là món ăn nhưng nếu được đập vỡ từ bên trong thì lại là một sinh mệnh.
	Con vịt	Bình thường chúng ta nhìn thấy con vịt bơi trên mặt nước rất thông thả, dường như chúng cứ nhẹ tênh, chẳng cần vất vả gì mà vẫn có thể nổi trên mặt nước. Nhưng ít ai biết, bên dưới mặt nước kia là đôi chân nhỏ bé của vịt đang phải đập cật lực để không bị chìm. Chúng ta, đừng vội phán xét một vấn đề gì khi chưa nhìn nhận thấu đáo.
Nỗ lực tự thân, làm chủ cuộc sống	Trái Đất	Trong tất cả các hành tinh của hệ Mặt Trời, chỉ có Trái Đất là đầy đủ điều kiện để sự sống xuất hiện và phát triển. Một trong những lí do quan trọng là bởi Trái Đất có một dòng từ trường bao quanh như một tấm khiên vô hình bảo vệ khỏi bão Mặt Trời và các tia vũ trụ. Điều đáng nói là từ trường của Trái Đất có được là do cấu tạo đặc biệt của lõi Trái Đất và do Trái Đất tự quay quanh chính mình. Giả sử mỗi chúng ta là một Trái Đất nhỏ thì để tự bảo vệ mình, ta không thể không tự thân nỗ lực, cố gắng hết mình.
	Cây kim	Không có cây kim nào nhọn cả hai đầu, không có ai hoàn hảo được tất cả. Điều quan trọng chúng ta cần làm đó là nhìn nhận đúng về điểm yếu, điểm mạnh của bản thân mình, biết khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh. Như vậy sẽ dần dần làm chủ được cuộc sống của chính mình.
Nghị lực	Kim cương	Kim cương và than chì đều hình thành từ nguyên tố Cacbon, nhưng tại sao, kim cương vô giá còn than chì gần như thứ bỏ đi, kim cương đẹp lộng lẫy, lấp lánh còn than chì đen đúa, lem luốc... Vì kim cương bị nén lâu hơn độ sâu 1000km, chịu áp suất 900 pascal, còn than chì bị thiêu rụi trong ngọn lửa với nhiệt độ vài trăm độ C, vì cấu trúc bên trong của kim cương là cấu trúc vững chắc hoàn hảo còn than chì thì ngược lại. Vậy mới thấy, có áp lực thì mới có kim cương, có nghị lực thì mới có thành quả xuất sắc.
	Sâu bướm	Mỗi một con sâu khi muốn trở thành con bướm xinh đẹp với đôi cánh tự do, lộng lẫy và mềm mại đều phải nhẫn nại trải qua thời gian chịu đựng khổ sở trong cái kén bé nhỏ và sự đau đớn tưởng như không vượt qua nổi khi tách cái kén để chui ra. Nếu nó không

		dùng sức lực của chính mình để vượt qua những thử thách ấy, đôi cánh của nó sẽ sừng phồng lên và èo uột, không thể cứng cáp khoẻ mạnh, đầy đủ sắc màu lộng lẫy và sống một cuộc sống tự do bay lượn như nó hằng mơ ước.
	Cá hồi	Cá hồi đẻ trứng ở đầu nguồn con sông, cá con lớn lên và bơi ra biển trong quá trình trưởng thành. Khi đã trưởng thành, chúng bơi ngược lại con sông cho đến khi tới được nơi chúng đã sinh ra đầu tiên. Đó là một hành trình vĩ đại nhất trong thế giới tự nhiên, từng con cá phải chống chọi với áp lực dòng nước, phải vượt thác và đối mặt với những loài thú ăn thịt. Đối với một con cá hồi, vượt qua những thác nước cũng giống như chúng ta nhảy qua một toà nhà 4 tầng. Nhưng chúng vẫn cứ bơi, quyết liệt đến cùng. Vậy con người, trong hành trình của chính mình, đã thực sự có được nghị lực kiên cường như vậy hay chưa?



Mục lục

LỜI NGỎ	1
CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC.....	3
CHUYÊN ĐỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC	16
Đặc điểm về ngôn từ của tác phẩm văn học	16
Đặc điểm về hình tượng trong tác phẩm văn học	26
Đặc điểm về cá tính sáng tạo của nhà văn	42
Chức năng của văn học	50
CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI.....	59



Học Văn thật khó
Nhưng mà thật vui
Yêu Văn thêm chút
Là làm được thôi!

